



Mã nhận dạng 01768

Trang 1/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137001	Nguyễn Xuân An	DH17NL		501	6	7,5	4	4,8	0012345678910	0123456789
2	17137002	Trương Quốc An	DH17NL		502	4	7	4	4,3	0012345678910	0123456789
3	17137003	Trịnh Tuấn Anh	DH17NL		503	4	7,5	6,5	6,1	0012345678910	0123456789
4	17137004	Đặng Tiểu Bình	DH17NL		504	2	7	7,5	6,4	0012345678910	0123456789
5	17137005	Mai Thành Bình	DH17NL		505	1	7,5	5	4,5	0012345678910	0123456789
6	17137006	Lưu Nhật Chí	DH17NL		837	2	7,5	4	4,0	0012345678910	0123456789
7	17137007	Đậu Sỹ Chiến	DH17NL						✓	0012345678910	0123456789
8	17137009	Nguyễn Võ Quốc Cường	DH17NL		510	8	6,5	9	8,6	0012345678910	0123456789
9	17137011	Phan Hữu Danh	DH17NL		507	4	9	7,5	7,0	0012345678910	0123456789
10	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL		508	8	7	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
11	17137014	Nguyễn Quang Duy	DH17NL		509	4	7	6	5,7	0012345678910	0123456789
12	17137015	Nguyễn Việt Duy	DH17NL						✓	0012345678910	0123456789
13	17137018	Phạm Ngô Ngọc Duyệt	DH17NL		511	1	7	1,5	2,0	0012345678910	0123456789
14	17137012	Lê Tấn Đôn	DH17NL		512	6	7	7	6,8	0012345678910	0123456789
15	17137019	Tô Công Hậu	DH17NL		513	6	8	8	7,6	0012345678910	0123456789
16	17118035	Nguyễn Minh Hiếu	DH17CC		514	8	8	9	8,7	0012345678910	0123456789
17	17137020	Nguyễn Thành Hiếu	DH17NL		515	4	7	5	5,0	0012345678910	0123456789
18	17137023	Mai Văn Hòa	DH17NL		516	4	8	7,4	6,8	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
19	17137025	Phạm Hữu Huy	Hoàng	DH17NL		517	2	7	0	1,1	○0●2345678910	○●23456789
20	17137026	Phan Phước	Hoàng	DH17NL		518	8	8	8	8,0	○01234567●910	●123456789
21	17137027	Từ Minh	Hoàng	DH17NL		519	6	7,5	4	4,8	○0123●5678910	○1234567●9
22	17137022	Huỳnh Nhựt	Hồ	DH17NL		520	8	7,5	7	7,3	○0123456●8910	○12●456789
23	17137028	Nguyễn	Huân	DH17NL		521	8	7	1	3,0	○012●45678910	●123456789
24	17118045	Nguyễn Phát	Huy	DH17CC		522	8	7,5	6	6,6	○012345●78910	○12345●789
25	17137032	Trần Minh	Huy	DH17NL		523	2	7,5	4	4,0	○0123●5678910	●123456789
26	17137033	Phan Đình	Huỳnh	DH17NL		524	8	7,5	7	7,3	○0123456●8910	○12●456789
27	17137030	Phạm Phi	Hưng	DH17NL		525	6	7,5	6,5	6,5	○012345●78910	○1234●6789
28	17137034	Đỗ Thích	Khang	DH17NL		526	8	7,5	7	7,3	○0123456●8910	○12●456789
29	17118047	Nguyễn Hữu	Khang	DH17CK		527	2	4	7,5	6,1	○012345●78910	○●23456789
30	15137071	Nguyễn Duy	Khanh	DH15NL		528	6	7,5	3	4,1	○0123●5678910	○●23456789
31	17137035	Đặng Quốc	Khánh	DH17NL		529	2	6,5	3	3,2	○012●45678910	○1●3456789
32	17137036	Nguyễn Đăng	Khôi	DH17NL		530	1	6,5	7,5	6,1	○012345●78910	○●23456789
33	17137037	Nguyễn Tuấn	Kiệt	DH17NL		531	6	7,5	6	6,2	○012345●78910	○1●3456789
34	17137039	Vũ Khắc	Lịch	DH17NL		532	6	7,5	3,7	4,6	○0123●5678910	○12345●789
35	17137044	Cao	Long	DH17NL		533	4	7,5	3	3,7	○012●45678910	○123456●89
36	17153043	Lâm Vũ	Long	DH17CD		534	4	7,0	7,5	6,8	○012345●78910	○1234567●9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
37	17137040	Hồ Quốc Lộc	DH17NL		535	6	7,5	1	2,7	○○○●●●●●●●●●●	○●●●●●●●●●●
38	17137041	Hồ Thanh Lộc	DH17NL		536	8	8,6	6,5	7,0	○○○●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●
39	17137042	Ngô Nguyễn Hữu Lộc	DH17NL		510	2	7,5	5	4,7	○○○●●●●●●●●●●	○●●●●●●●●●●
40	17137043	Trương Đức Lộc	DH17NL		538	8	7,5	6	6,6	○○○●●●●●●●●●●	○●●●●●●●●●●
41	17118057	Nguyễn Văn Lương	DH17CC		539	4	0	1	1,5	○○●●●●●●●●●●	○●●●●●●●●●●
42	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL		540	10	7	5	6,2	○○○●●●●●●●●●●	○●●●●●●●●●●
43	17137050	Võ Tấn Ngoan	DH17NL		601	8	7	7	7,2	○○○●●●●●●●●●●	○●●●●●●●●●●
44	17118068	Huỳnh Lê Nhân	DH17CC		602	8	8,5	7	7,4	○○○●●●●●●●●●●	○●●●●●●●●●●
45	16137054	Nguyễn Thanh Nhân	DH16NL		603	8	7	7	7,2	○○○●●●●●●●●●●	○●●●●●●●●●●
46	17153053	Đoàn Trần Minh Nhựt	DH17CD		604	4	6,5	6,5	6,0	○○○●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●
47	15137040	Nguyễn Minh Phong	DH15NL		605	2	6,5	6,5	5,6	○○○●●●●●●●●●●	○●●●●●●●●●●
48	17118079	Đặng Nguyên Hoài Phú	DH17CC		606	2	8	7	6,1	○○○●●●●●●●●●●	○●●●●●●●●●●
49	17137052	Nguyễn Tấn Phúc	DH17NL		607	4	7,5	5,5	5,4	○○○●●●●●●●●●●	○●●●●●●●●●●
50	17137056	Đàm Minh Quang	DH17NL		608	4	8	6	5,8	○○○●●●●●●●●●●	○●●●●●●●●●●
51	17137057	Trần Văn Quang	DH17NL		609	4	8	4	4,4	○○○●●●●●●●●●●	○●●●●●●●●●●
52	17137055	Nguyễn Nhật Quân	DH17NL		610	4	7,5	6	5,8	○○○●●●●●●●●●●	○●●●●●●●●●●
53	17137058	Ngô Thành Quí	DH17NL		611	8	7	6,5	6,9	○○○●●●●●●●●●●	○●●●●●●●●●●
54	17137059	Phan Thị Thảo Quyên	DH17NL		612	10	6	6,5	7,2	○○○●●●●●●●●●●	○●●●●●●●●●●

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
55	16118135	Nguyễn Văn Sơn	DH16CC	Sinh	613	4	8	6	5,8	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
56	17137060	Trần Ngọc Sơn	DH17NL	Sinh	614	4	6,5	7,5	7,1	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
57	17137061	Mai Trí Tài	DH17NL	Tài	615	4	7	7	6,4	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
58	17118097	Lê Quốc Tân	DH17CC	Tan	616	6	7,5	7	6,9	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
59	17137062	Lê Thị Cẩm Thạch	DH17NL	Thach	617	4	7,5	6	5,8	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
60	17137063	Võ Anh Thi	DH17NL	Thi	618	8	7,5	7	7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
61	17137065	Ngô Văn Thịnh	DH17NL	Thinh	619	6	7,5	6	6,2	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
62	17138056	Nguyễn Nhựt Tiến	DH17TD						✓	●○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
63	17153071	Trần Đức Tín	DH17CD	Tin	620	6	7,5	1	2,7	○○○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
64	17137068	Trần Hữu Tín	DH17NL	Tin	621	8	7,5	3	4,5	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
65	17137070	Hồ Thị Đài Trang	DH17NL	Trang	622	2	7,5	6,5	5,7	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
66	17137071	Trần Thùy Trang	DH17NL	Trang	623	4	6	6	5,6	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
67	17137072	Nguyễn Hoàng Anh Trí	DH17NL						✓	●○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
68	17137073	Nguyễn Hải Triều	DH17NL	Trieu	624	2	8	7	6,1	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
69	17118123	Huỳnh Hữu Trọng	DH17CC	Trong	625	2	7	6	5,3	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
70	17137074	Lê Phước Trọng	DH17NL	Trong	626	6	7	9	8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
71	17137075	Lê Khắc Trung	DH17NL	Trung	627	4	7,5	5,5	5,4	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
72	17115132	Lê Huỳnh Hoàng Vân	DH17NL	Van	628	6	8	7	6,9	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
73	17137077	Nguyễn Hoài Vũ	DH17NL		629	10	8	9	9,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
74	16118178	Phan Hoàng Vũ	DH16CC		630	6	7,5	7	6,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑧ ⑨
75	17137079	Nguyễn An Hoàng Vương	DH17NL		631	8	8,5	9,4	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

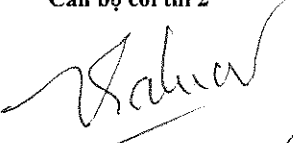
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Hải Đăng


Lê Văn Tuấn


TS. Bùi Ngọc Hùng


Nguyễn Hải Đăng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 02

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153002	Nguyễn Ngọc Trúc Anh	DH17CD		632	8	9	9,9	9,4	○○○12345678●10	○123●56789
2	17153001	Phạm Hiệp Ân	DH17CD		633				✓	●○○12345678910	○123456789
3	14118004	Đồng Văn Bảo	DH14CK		633	6	0	6	5,4	○○○1234●678910	○123●56789
4	17153004	Hồ Thái Bảo	DH17CD		634	8	8	6,5	7,0	○○○123456●8910	●123456789
5	17153003	Bùi Đình Bắc	DH17CD		635	8	8	6,5	7,0	○○○123456●8910	●123456789
6	17118011	Nguyễn Hữu Huy	DH17CC		636	4	8	6,5	6,2	○○○12345●78910	○1●3456789
7	17153010	Vương Quốc Việt	DH17CD		637	8	0	6	5,8	○○○1234●678910	○1234567●9
8	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD		638	1	7,5	7	5,9	○○○1234●678910	○12345678●
9	17153017	Nguyễn Hồng Dung	DH17CD		639	8	9	1	3,2	○○○12●45678910	○1●3456789
10	17153022	Đào Phụng Duy	DH17CD		640	4	8	6,5	6,2	○○○12345●78910	○1●3456789
11	17153020	Đặng Quang Duy	DH17CD						✓	●○○12345678910	○123456789
12	17153023	Nguyễn Hùng Duy	DH17CD		701	8	8,5	5	6,0	○○○12345●78910	●123456789
13	17153012	Dương Tấn Đạt	DH17CD		702	8	8	7,5	7,7	○○○123456●8910	○123456●89
14	17153014	Bùi Phú Đức	DH17CD		703	8	8	6	6,6	○○○12345●78910	○12345●789
15	17153024	Đặng Minh Hải	DH17CD		704	8	8,5	6,5	7,0	○○○123456●8910	●123456789
16	17153026	Nguyễn Trường Hân	DH17CD		705	8	8	5,9	6,5	○○○12345●78910	○1234●6789
17	17153027	Lê Trung Hậu	DH17CD		706	4	8,5	6	5,9	○○○1234●678910	○12345678●
18	17153028	Nguyễn Thành Hiếu	DH17CD		707	8	8,5	0	2,5	○○○1●345678910	○1234●6789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 02

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
19	17153033	Trần Quang Huy	DH17CD	<i>Huy</i>	838	10	8	7	7,7	○○○123456●8910	○123456●89
20	17153037	Ngô Tín Khoa	DH17CD	<i>Tín</i>	709	8	8	6	6,6	○○○12345●78910	○12345●789
21	17153039	Bùi Tuấn Kiên	DH17CD	<i>Kiên</i>	710	8	8	8,5	8,4	○○○1234567●910	○123●56789
22	17153041	Lương Chí Lập	DH17CD	<i>Lập</i>	711	8	8	7	7,3	○○○123456●8910	○12●456789
23	17153042	Nguyễn Quang Linh	DH17CD	<i>Linh</i>	712	8	8	6,5	7,0	○○○123456●8910	●123456789
24	17118054	Phan Chí Linh	DH17CC	<i>Linh</i>	713	2	7,5	5	4,7	○○○123●5678910	○123456●89
25	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD						✓	●○12345678910	○123456789
26	17153046	Ngô Thiên Nghia	DH17CD	<i>Nghia</i>	715	6	7	6,5	6,5	○○○12345●78910	○1234●6789
27	17153047	Nguyễn Trung Nghia	DH17CD	<i>Nghia</i>	716	8	8	0	2,4	○○○1●345678910	○123●56789
28	17153048	Lê Khánh Nguyên	DH17CD	<i>Nghia</i>	717	10	8,5	7,2	7,9	○○○123456●8910	○12345678●
29	17153049	Hoàng Đình Nhân	DH17CD	<i>Nhan</i>	718	8	8	1	3,1	○○○12●45678910	○●23456789
30	17118069	Lê Văn Nhân	DH17CC	<i>Nhan</i>	719	8	8	7,5	7,7	○○○123456●8910	○123456●89
31	16138062	Nguyễn Đình Trục Nhân	DH16TD						✓	●○12345678910	○123456789
32	17118070	Trần Trọng Nhân	DH17CC	<i>Nhan</i>	721	6	8	5	5,5	○○○1234●678910	○1234●6789
33	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD	<i>Ninh</i>	722	8	8,5	6,5	7,0	○○○123456●8910	●123456789
34	17153055	Trương Hoàng Phong	DH17CD	<i>Phong</i>	723	8	6,5	5	5,8	○○○1234●678910	○1234567●9
35	17153058	Nguyễn Hồng Phúc	DH17CD	<i>Phuc</i>	724	4	8,5	6	5,9	○○○1234●678910	○12345678●
36	17118084	Đỗ Hữu Phước	DH17CC	<i>Phu</i>	725	8	7,5	8	8,0	○○○1234567●910	●123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 02

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
37	17138043	Nguyễn Trọng Quang	DH17TD	<i>Quang</i>	726	1	7,5	6,5	5,5	○○○1234●678910	○1234●6789
38	13334169	Nguyễn Văn Tài	CD13CI	<i>Tài</i>	727	2	7,5	5	4,7	○○○123●5678910	○123456●89
39	17153062	Phan Minh Tâm	DH17CD	<i>Minh</i>	728	8	7	6,5	6,9	○○○12345●78910	○12345678●
40	17153066	Đào Minh Thành	DH17CD	<i>Đào Minh Thành</i>					✓	●○12345678910	○123456789
41	17137064	Đỗ Duy Thiện	DH17NL	<i>Thiện</i>	729	8	7,5	7	7,3	○○○123456●8910	○12●456789
42	17153067	Trương Đức Thịnh	DH17CD	<i>Đức Thịnh</i>	730	10	8,5	9	9,2	○○○12345678●10	○1●3456789
43	15138067	Nguyễn Đình Thông	DH15TD	<i>Nguyễn Đình Thông</i>					✓	●○12345678910	○123456789
44	17153068	Phan Anh Thơ	DH17CD	<i>Anh Thơ</i>	731	6	6,5	4	4,7	○○○123●5678910	○123456●89
45	17118112	Lý Thanh Thuận	DH17CK	<i>Thanh Thuận</i>	732	8	7,5	6	6,6	○○○12345●78910	○12345●789
46	17137067	Nguyễn Công Thức	DH17NL	<i>Thức</i>	733	8	7,5	5	5,9	○○○1234●678910	○12345678●
47	17118116	Hồ Đoàn Minh Tiên	DH17CC	<i>Minh Tiên</i>	734	4	7	4	4,3	○○○123●5678910	○12●456789
48	17154103	Nguyễn Quang Tiến	DH17OT	<i>Quang Tiến</i>	735	8	0	3	3,7	○○○12●45678910	○123456●89
49	17153070	Nguyễn Trọng Tiến	DH17CD	<i>Trọng Tiến</i>	736	6	8	7	6,9	○○○12345●78910	○12345678●
50	17118117	Hoàng Ngọc Tín	DH17CK	<i>Ngọc Tín</i>	737	10	8	6	7,0	○○○123456●8910	●123456789
51	17153072	Nguyễn Hoàng Toán	DH17CD	<i>Hoàng Toán</i>	738	8	5	6	6,3	○○○12345●78910	○12●456789
52	17153075	Lê Quốc Trạng	DH17CD	<i>Quốc Trạng</i>	739	8	8	5	5,5	○○○1234●678910	○1234●6789
53	17153076	Phạm Ngọc Triệu	DH17CD	<i>Ngọc Triệu</i>	740	8	8	6	6,6	○○○12345●78910	○12345●789
54	17153077	Phan Bảo Trọng	DH17CD	<i>Bảo Trọng</i>	501	8	8	5	5,9	○○○1234●678910	○12345678●

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 02

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
55	17153080	Hoàng Thanh Vương	DH17CD		502	10	7,5	9	9,1	○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Hải Đăng

Lê Văn Tuấn

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Hải Đăng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 03

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK		503	4	8	7	6,5	○○○12345●78910	○○1234●6789
2	17138002	Trần Thanh Bình	DH17TD		504	6	8	9	8,3	○○○1234567●910	○○12●456789
3	17138004	Lê Mạnh Cường	DH17TD		505	4	7,5	6,5	6,1	○○○12345●78910	○●23456789
4	17138006	Nguyễn Mạnh Cường	DH17TD		506	8	7	8,5	8,3	○○○1234567●910	○○12●456789
5	17138011	Nguyễn Đình Quốc Dũng	DH17TD		507	4	7	5	5,0	○○○1234●678910	●123456789
6	17153021	Đặng Thế Duy	DH17CD		508	6	7	9	8,2	○○○1234567●910	○○1●3456789
7	17137016	Phan Lê Duy	DH17NL		509	6	8	8,9	8,2	○○○1234567●910	○○1●3456789
8	17153019	Nguyễn Hoàng Dương	DH17CD		506	2	7	8,5	7,1	○○○123456●8910	○●23456789
9	17138008	Nguyễn Hữu Đan	DH17TD		511	6	7,5	6,4	6,4	○○○12345●78910	○○123●56789
10	17138009	Huỳnh Minh Định	DH17TD		512	2	6,5	1	1,8	○○●2345678910	○○1234567●9
11	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK						✓	●○○12345678910	○○123456789
12	17153025	Trần Sơn Hải	DH17CD		514	4	7,5	9	7,9	○○○123456●8910	○○12345678●
13	17138015	Lưu Thanh Hiền	DH17TD		515	4	7,5	7	6,5	○○○12345●78910	○○1234●6789
14	17138016	Hồ Hiền	DH17TD		516	8	8	7	7,3	○○○123456●8910	○○12●456789
15	17118033	Lê Minh Hiệp	DH17CC		517	6	7	7	6,8	○○○12345●78910	○○1234567●9
16	17153030	Bùi Văn Hoàng	DH17CD		518	4	7	7,5	6,8	○○○12345●78910	○○1234567●9
17	17138021	Nguyễn Đình Hồ	DH17TD		519	8	7	6	6,5	○○○12345●78910	○○1234●6789
18	17138023	Bùi Quang Khải	DH17TD		520	8	6,5	6,5	6,8	○○○12345●78910	○○1234567●9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 03

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
19	17138025	Nguyễn Văn Khánh	DH17TD		21	8	7,5	7	7,3	○○○123456●8910	○12●456789
20	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD		22	10	7	7	7,6	○○○123456●8910	○12345●789
21	17153040	Đặng Ngọc Lâm	DH17CD		23	10	8	7,5	8,1	○○○1234567●910	○●23456789
22	16153052	Nguyễn Thanh Luận	DH16CD		24	6	7	9	8,2	○○○1234567●910	○1●3456789
23	17138031	Trương Công Lực	DH17TD		25	6	8	5	5,5	○○○1234●678910	○1234●6789
24	17138033	Lê Nguyễn Hoài Nam	DH17TD		26	6	7	6	6,1	○○○12345●78910	○●23456789
25	17118071	Phạm Long Nhật	DH17CC		27	8	8	9	8,7	○○○1234567●910	○123456●89
26	17138037	Bùi Trung Pháp	DH17TD		28	4	7	7,5	6,8	○○○12345●78910	○1234567●9
27	17118075	Thạch Dương Phát	DH17CC		29	8	6	7	7,1	○○○123456●8910	○●23456789
28	17138038	Trần Huy Phát	DH17TD		30	8	7	9	8,6	○○○1234567●910	○12345●789
29	15118080	Lê Nguyễn Vinh Phúc	DH15CK						V	●○○12345678910	○123456789
30	17118081	Ngô Hoàng Phúc	DH17CC		31	10	7	9	9,0	○○○12345678●10	●123456789
31	17138042	Nguyễn Trung Quân	DH17TD		32	6	0	6	5,4	○○○1234●678910	○123●56789
32	17153060	Đoàn Hữu Tài	DH17CD		33	8	7,5	6,5	6,9	○○○12345●78910	○12345678●
33	17118095	Nguyễn Minh Tâm	DH17CK		34	8	8,5	7	7,4	○○○123456●8910	○123●56789
34	17153064	Kiều Văn Tấn	DH17CD		35	8	7	7,5	7,6	○○○123456●8910	○12345●789
35	17138049	Võ Văn Thành	DH17TD		36	8	7	9,5	9,0	○○○12345678●10	●123456789
36	17138048	Đỗ Lý Việt Thắng	DH17TD		540	4	7	7	6,4	○○○12345●78910	○123●56789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 03

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
37	17118106	Đặng Đình Thiện	DH17CK		538	2	5	7	5,8	○○○1234●678910	○○1234567●9
38	17138050	Lê Đức Thịnh	DH17TD		539	4	6,5	6	5,7	○○○1234●678910	○○123456●89
39	13153223	Trần Hữu Thọ	DH13CD						✓	●○○12345678910	○○123456789
40	17138051	Lưu Thị Ánh Thu	DH17TD		601	1	4	5	4,1	○○○123●5678910	○●123456789
41	17138052	Phạm Hoài Thu	DH17TD		602	10	8	8,2	8,6	○○○1234567●910	○○12345●789
42	17138053	Lê Hữu Thuận	DH17TD		603	8	0	5	5,1	○○○1234●678910	○●123456789
43	17118114	Bùi Minh Thượng	DH17CC		604	8	7,5	6,4	6,8	○○○12345●78910	○○1234567●9
44	17138055	Huỳnh Quang Tiến	DH17TD		605	8	7,5	6	6,6	○○○12345●78910	○○12345●789
45	17118121	Lê Hoàng Triều	DH17CC		606	6	8	7,5	7,3	○○○123456●8910	○○12●456789
46	17138058	Nguyễn Đình Trọng	DH17TD		607	0	0	0	0	○●12345678910	○○123456789
47	17138059	Nguyễn Chí Trung	DH17TD		608	2	7,5	6,5	5,7	○○○1234●678910	○○123456●89
48	17118127	Nguyễn Đan Trường	DH17CC		609	10	8	6,9	7,6	○○○123456●8910	○○12345●789
49	17138061	Bùi Anh Tuấn	DH17TD		610	4	0	6,5	5,4	○○○1234●678910	○○123●56789
50	17138063	Tạ Minh Tuyên	DH17TD						✓	●○○12345678910	○○123456789
51	17118143	Nguyễn Hải Vương	DH17CC		612	8	0	7,5	6,9	○○○12345●78910	○○12345678●

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Hải Đăng
Ngày in : 26/04/2019 08:38

Lê Văn Tuấn

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Hải Đăng



Mã nhận dạng 01771

Trang 1/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 04

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118005	Phan Văn Hùng Anh	DH17CK		613	8	9	6	6,7	0012345678910	0123456789
2	17118006	Nguyễn Thanh Bá	DH17CK		614	8	8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
3	17118010	Trương Minh Bảo	DH17CK		615	6	8	6	6,2	0012345678910	0123456789
4	15118005	Trương Phi Bảo	DH17CK		616	8	0	8,5	7,6	0012345678910	0123456789
5	17118007	Bùi Đình Bằng	DH17CK		617	4	8	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
6	17118015	Đặng Ái Cường	DH17CK		618	8	7	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
7	17118018	Lê Công Danh	DH17CK		619	8	7	6	6,5	0012345678910	0123456789
8	17118016	Trần Khánh Dân	DH17CC		620	6	8,5	6	6,3	0012345678910	0123456789
9	17118028	Nguyễn Trần Minh Duy	DH17CK						✓	0012345678910	0123456789
10	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC		621	2	7,5	4	4,0	0012345678910	0123456789
11	17118024	Lê Văn Dự	DH17CK		622	8	0	6	8,5	0012345678910	0123456789
12	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CC		623	2	8	4	4,0	0012345678910	0123456789
13	17118017	Nguyễn Hải Đăng	DH17CK		624	10	6,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
14	17118022	Nguyễn Văn Định	DH17CK		625	8	8,5	6	6,7	0012345678910	0123456789
15	17153016	Nguyễn Trung Đức	DH17CD		626	8	8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
16	17118026	Lê Đình Đường	DH17CK		627	8	6,5	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
17	17118032	Trần Hoàng Hân	DH17CK		628	8	7,5	8	8,0	0012345678910	0123456789
18	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK		629	4	0	5	4,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01771

Trang 2/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 04

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	17118036	Nguyễn Văn Hiệu	DH17CK		630	8	7	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
20	17118038	Đỗ Thanh Hoàng	DH17CK						✓	0012345678910	0123456789
21	17118043	Hồng Cẩm Huy	DH17CC		632	6	8	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
22	17118046	Trần Khải	DH17CK		633	8	6	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
23	17153034	Lê Văn Khanh	DH17CD		634	4	7,5	5,5	5,4	0012345678910	0123456789
24	17153038	Nguyễn Tiến Khoa	DH17CD		635	8	7,5	7	7,3	0012345678910	0123456789
25	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK		636	8	7	8	7,9	0012345678910	0123456789
26	17118058	Trần Ngọc Minh	DH17CK		637	6	6,5	5	5,4	0012345678910	0123456789
27	16153056	Đặng Toàn Mỹ	DH16CD		638	6	6,5	1	2,6	0012345678910	0123456789
28	17118061	Đào Phương Nam	DH17CK		639	6	7	5,5	5,8	0012345678910	0123456789
29	17118062	Phạm Văn Nam	DH17CK		640	8	6,5	6	6,5	0012345678910	0123456789
30	17118063	Trần Phương Nam	DH17CK	✓	701	6	6,5	2	3,3	0012345678910	0123456789
31	17118064	Phan Trọng Nghĩa	DH17CK		702	8	0	6	5,8	0012345678910	0123456789
32	17118065	Cao Quý Nguyên	DH17CK		703	8	6,5	6	6,5	0012345678910	0123456789
33	17118066	Hoàng Trung Nguyên	DH17CK		704	8	5,5	6,7	6,9	0012345678910	0123456789
34	17118072	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CK		705	8	6,5	6	6,5	0012345678910	0123456789
35	17118076	Phan Lê Bảo Phi	DH17CK		706	6	5	6	5,9	0012345678910	0123456789
36	17118078	Nguyễn Lê Phong	DH17CK		707	6	6	5,5	5,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01771

Trang 3/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 04

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	17118083	Trần Thanh Phúc	DH17CC	Phúc	708	8	7	6	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
39	17118085	Nguyễn Đình Phương	DH17CK	Phương	709	6	6,5	7	6,8	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
40	17118088	Lê Minh Sang	DH17CK	Sang	710	8	0	6,5	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
41	17118090	Trương Công Sinh	DH17CK	Sinh	711	8	7	5	5,8	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
42	17118091	Hoàng Kim Sơn	DH17CK	Sơn	712	8	3	5,5	5,8	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
43	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK	Sơn	713	8	6,5	6	6,1	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
44	17118094	Bùi Phú Tâm	DH17CK	Tâm	714	8	6,5	9	8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
45	17118101	Vũ Trung Thành	DH17CK	Thành	715	6	7	5	5,4	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
46	17118102	Lê Tấn Phú	DH17CK	Phú	716	6	4	6,5	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
47	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK	Thi	717	6	6	5,5	5,7	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
48	17118104	Hồ Văn Kỳ Thiên	DH17CK	Thiên	718	8	7	6,5	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
49	17118107	Bá Duy Thịnh	DH17CK	Thịnh	719	6	7	2	3,3	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
50	17118108	Nguyễn Chí Thịnh	DH17CK	Thịnh	720	8,5	7,5	8	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	17118115	Trần Nhật Tiến	DH17CK	Tiến	721	8	7	4,5	5,5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
52	17118118	Kiều Trọng Tín	DH17CK	Tín	722	8	7	6	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
53	17118119	Trần Trọng Toàn	DH17CK	Toàn	723	8	7	4	5,1	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
54	17118120	Nguyễn Quang Trí	DH17CK	Trí	724	6	7	5,5	5,8	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

1 
Nguyễn Hải Đăng

Ngày in : 26/04/2019 08:38

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 05

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153005	Lê Hoàng Bảo	DH17CD		739	6	7	6	6,1	○○○12345●78910	○●23456789
2	17154018	Trần Thế Dư	DH17OT						✓	●○12345678910	○123456789
3	16137013	Phan Quốc Đạt	DH16NL						✓	●○12345678910	○123456789
4	17154015	Hồ Thanh Điền	DH17OT		801	1	6,5	3	3,0	○○12●45678910	●123456789
5	17154021	Trần Minh Đức	DH17OT		802	6	7	7,5	7,2	○○123456●8910	○1●3456789
6	17154024	Phạm Văn Giàu	DH17OT						✓	●○12345678910	○123456789
7	17154028	Phạm Tử Hùng	DH17OT		804	4	7	4	4,3	○○123●5678910	○12●456789
8	17154032	Lê Huy Hoàng	DH17OT		805	2	7,5	5	4,7	○○123●5678910	○123456●89
9	17154034	Nguyễn Tấn Hùng	DH17OT		806	2	7,5	9,4	7,7	○○123456●8910	○123456●89
10	17154035	Nguyễn Thanh Hùng	DH17OT		807	6	7	1	2,6	○○1●345678910	○12345●789
11	17154046	Trần Duy Khoa	DH17OT						✓	●○12345678910	○123456789
12	17118067	Lý Thái Nguyên	DH17CC		809	2	7,5	6,5	5,7	○○1234●678910	○123456●89
13	17154058	Phạm Sĩ Nguyên	DH17OT		810	4	6,5	5	5,0	○○1234●678910	●123456789
14	17118073	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CC		811	0	8	6,5	5,4	○○1234●678910	○123●56789
15	17154070	Nguyễn Thanh Phong	DH17OT		812	8	7,5	7	7,3	○○123456●8910	○12●456789
16	16118116	Nguyễn Thanh Phong	DH16CC		813	6	7,5	7,5	7,2	○○123456●8910	○1●3456789
17	17154071	Trần Huỳnh Phúc	DH17OT		814	4	7,5	7,2	6,6	○○12345●78910	○12345●789
18	17154073	Đặng Hữu Phước	DH17OT		815	4	7,5	7,5	6,8	○○12345●78910	○1234567●9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 05

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	17154075	Cao Việt Quang	DH17OT	<i>VG</i>	816	6	7	7,5	7,2	○○○123456●8910	○1●3456789
20	17154074	Đỗ Trung Quân	DH17OT	<i>MT</i>	817	6	7,5	8,5	7,9	○○○123456●8910	○12345678●
21	17154076	Đoàn Phú Quý	DH17OT						✓	●○○12345678910	○123456789
22	17153059	Nguyễn Thanh Sơn	DH17CD	<i>ST</i>	818	8	7	9	8,6	○○○1234567●910	○12345●789
23	15154044	Nguyễn Võ Hoàng Sơn	DH15OT						✓	●○○12345678910	○123456789
24	17113179	Trịnh Xuân Tâm	DH17OT	<i>Tâm</i>	820	4	6,5	8,5	7,4	○○○123456●8910	○123●56789
25	17154086	Lê Minh Tấn	DH17OT	<i>MT</i>	821	6	8	7	6,9	○○○12345●78910	○12345678●
26	17154092	Dương Hữu Thành	DH17OT	<i>MT</i>	822	4	6,5	6,5	6,0	○○○12345●78910	●123456789
27	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT	<i>MT</i>	823	6	7	6,9	6,7	○○○12345●78910	○123456●89
28	17154916	Tất Vĩnh Thành	DH17OT	<i>MT</i>	824	8	6,5	6,5	6,8	○○○12345●78910	○1234567●9
29	17154094	Huỳnh Phước Thạnh	DH17OT	<i>MT</i>	825	6	7	5	5,4	○○○1234●678910	○123●56789
30	14138091	Dương Thanh Thảo	DH14TD	<i>Th</i>	826	0	6,5	5,5	4,5	○○○123●5678910	○1234●6789
31	17154091	Phạm Bá Thắng	DH17OT	<i>Th</i>	827	4	6	5	4,9	○○○123●5678910	○12345678●
32	15154058	Lê Đoàn Trường Thịnh	DH15OT						✓	●○○12345678910	○123456789
33	17154096	Nguyễn Tấn Thọ	DH17OT	<i>Th</i>	829	4	6,5	6	5,7	○○○1234●678910	○123456●89
34	17154099	Nguyễn Văn Thu	DH17OT						✓	●○○12345678910	○123456789
35	17153074	Phan Nguyễn Trung Toàn	DH17CD	<i>Th</i>	831	1	6,5	5,5	4,7	○○○123●5678910	○123456●89
36	17154108	Trần Văn Trà	DH17OT	<i>Th</i>	832	10	8,5	9	9,2	○○○12345678●10	○1●3456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 05

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	15137061	Hùng Phạm Minh Trí	DH15NL						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	15118118	Nguyễn Bảo Trọng	DH15CC						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	17154118	Lê Văn Tùng	DH17OT		835	6	7,5	7,5	7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
40	17153081	Dương Bảo Ý	DH17CD		836	8	7	4	5,1	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Hải Đăng

TS. Bùi Ngọc Hùng

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Hải Đăng

Mã nhận dạng 02060

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17CD_01**

Tổ Thi **001_DH17CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **14/06/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153001	Phạm Hiệp	Ân	DH17CD		00	00	0,5	0,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
2	17153005	Lê Hoàng	Bào	DH17CD		70	80	18	4,2	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	17153006	Nguyễn Tuấn	Bào	DH17CD		10	50	5,0	5,5	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
4	14118103	Nguyễn Hoài	Bào	DH14CK		00	60	4,5	4,5	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
5	17153022	Đào Phụng	Duy	DH17CD		10	60	3,8	5,1	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	17153020	Đặng Quang	Duy	DH17CD		✓				●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	17153021	Đặng Thế	Duy	DH17CD		10	70	5,3	6,3	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
8	17118029	Trần Minh	Duy	DH17CC		10	70	4,3	5,7	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
9	17153019	Nguyễn Hoàng	Dương	DH17CD		10	70	8,7	8,3	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
10	17118025	Nguyễn Mậu	Dương	DH17CC		10	80	4,8	6,3	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
11	17154012	Nguyễn Quân	Đạt	DH17OT		10	60	5,0	5,8	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
12	15154014	Nguyễn Văn Giang	Đông	DH15OT		50	50	6,3	5,8	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
13	15154022	Phan Phước	Hiền	DH15OT		70	50	1,8	3,3	○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
14	17118034	Huỳnh Văn	Hiếu	DH17CK		70	80	20	4,3	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
15	17153028	Nguyễn Thành	Hiếu	DH17CD		70	70	7,0	7,0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	17153030	Bùi Văn	Hoàng	DH17CD		10	50	3,8	4,8	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨



Mã nhận dạng 02060

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CD_01

Tổ Thi 001_DH17CD_01

Tên CBGD Nguyễn Thanh Phong

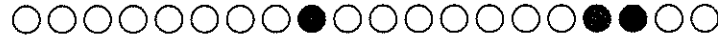
Ngày Thi 14/06/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153033	Trần Quang Huy	DH17CD			7,0	5,0	4,3	4,8	0012345678910	0123456789
18	17153035	Dương Quốc Khánh	DH17CD			10	7,0	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
19	17153039	Bùi Tuấn Kiên	DH17CD			10	7,0	8,8	8,4	0012345678910	0123456789
20	17153042	Nguyễn Quang Linh	DH17CD			10	6,0	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
21	17153043	Lâm Vũ Long	DH17CD			10	8,0	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
22	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD			7,0	0,0	0,5	1,0	0012345678910	0123456789
23	17153053	Đoàn Trần Minh Nhựt	DH17CD			5,0	6,0	2,5	3,8	0012345678910	0123456789
24	17154069	Lê Văn Tấn Phát	DH17OT			10	8,0	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
25	17118077	Bùi Thanh Phong	DH17CC			7,0	6,0	5,3	5,7	0012345678910	0123456789
26	17153058	Nguyễn Hồng Phúc	DH17CD			10	5,0	7,0	6,7	0012345678910	0123456789
27	17137052	Nguyễn Tấn Phúc	DH17NL			10	5,0	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
28	17118090	Trương Công Sinh	DH17CK			10	5,0	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
29	17118091	Hoàng Kim Sơn	DH17CK			10	6,0	1,0	3,4	0012345678910	0123456789
30	17153059	Nguyễn Thanh Sơn	DH17CD			10	6,0	3,3	4,8	0012345678910	0123456789
31	17153060	Đoàn Hữu Tài	DH17CD			10	6,0	5,3	6,0	0012345678910	0123456789
32	17118095	Nguyễn Minh Tâm	DH17CK			10	7,0	3,5	5,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02060

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CD_01

Tổ Thi

001_DH17CD_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi 14/06/2019

Giờ Thi

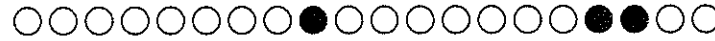
09:45

Phòng Thi

HD301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17153062	Phan Minh Tâm	DH17CD	<i>tan</i>		10	3,0	4,8	4,8	0012345678910	0123456789
34	17153064	Kiều Văn Tấn	DH17CD	<i>At</i>		10	8,5	3,3	5,5	0012345678910	0123456789
35	17153065	Phan Trọng Thái	DH17CD	<i>Thoi</i>		10	8,0	5,8	6,9	0012345678910	0123456789
36	17118106	Đặng Đình Thiện	DH17CK	<i>Thien</i>		10	3,0	4,3	4,5	0012345678910	0123456789
37	15154058	Lê Đoàn Trường Thịnh	DH15OT	<i>Thinh</i>		0,0	4,0	5,8	4,7	0012345678910	0123456789
38	17118109	Vô Đức Thịnh	DH17CC	<i>Thi</i>		8,0	5,0	2,8	4,0	0012345678910	0123456789
39	17153068	Phan Anh Thơ	DH17CD	<i>Thu</i>		10	7,0	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
40	17118112	Lý Thanh Thuận	DH17CK	<i>Thuan</i>		7,0	6,0	8,0	7,3	0012345678910	0123456789
41	17153069	Đoàn Văn Tiến	DH17CD		✓					0012345678910	0123456789
42	17153070	Nguyễn Trọng Tiến	DH17CD	<i>Tien</i>		10	5,0	5,8	6,0	0012345678910	0123456789
43	17153073	Nguyễn Minh Toàn	DH17CD	<i>Toan</i>		10	5,0	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
44	17153072	Nguyễn Hoàng Toán	DH17CD	<i>Toan</i>		7,0	5,0	3,8	4,5	0012345678910	0123456789
45	17153077	Phan Bảo Trọng	DH17CD	<i>Trong</i>		10	5,0	5,8	6,0	0012345678910	0123456789
46	14118293	Lê Văn Trùng	DH14CK	<i>Trung</i>		5,0	5,0	4,8	4,9	0012345678910	0123456789
47	17154112	Trần Nguyễn Xuân Trường	DH17OT	<i>Truong</i>		10	7,0	6,3	6,9	0012345678910	0123456789
48	17154116	Nguyễn Anh Tuấn	DH17OT	<i>Tuan</i>		10	8,0	7,8	8,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02060

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17CD_01**

Tổ Thi **001_DH17CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **14/06/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	15154066	Nguyễn Thanh Tuấn	DH15OT			10	5,0	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
50	17153080	Hoàng Thanh Vương	DH17CD			10	7,0	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
51	17153081	Dương Bảo Ý	DH17CD			10	6,0	4,8	5,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Phong

Lê Văn Tuấn

TS. Lê Văn Tuấn

Nguyễn Thanh Phong

Ngày in : 13/05/2019



Mã nhận dạng 02061

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17CK_02**

Tổ Thi **001_DH17CK_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

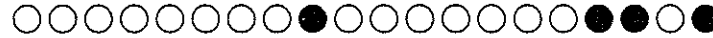
Ngày Thi **14/06/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD201**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153002	Nguyễn Ngọc Trúc	Anh	DH17CD		10	8,0	9,0	8,8	001234567●910	01234567●9
2	17118005	Phan Văn Hùng	Anh	DH17CK		10	7,8	5,0	6,1	0012345●78910	0●23456789
3	17118006	Nguyễn Thanh	Bá	DH17CK		10	7,5	6,3	7,0	00123456●8910	●123456789
4	17138001	Huỳnh Hoài	Bảo	DH17TD		7,0	8,0	4,3	5,7	001234●678910	0123456●89
5	14153004	Nguyễn Thanh Huy	Bảo	DH14CD		0,0	6,0	3,8	4,1	00123●5678910	0●23456789
6	17118010	Trương Minh	Bảo	DH17CK		10	7,0	7,0	7,3	00123456●8910	012●456789
7	15118005	Trương Phi	Bảo	DH17CK		7,0	5,0	6,0	5,8	001234●678910	01234567●9
8	17153010	Vương Quốc Việt	Chi	DH17CD		0,0	6,0	5,5	5,1	001234●678910	0●23456789
9	17153011	Nguyễn Minh	Chiến	DH17CD		5,0	7,0	4,3	5,2	001234●678910	01●3456789
10	17118015	Đặng Ái	Cường	DH17CK		7,0	6,0	3,8	4,8	00123●5678910	01234567●9
11	17153017	Nguyễn Hồng	Dung	DH17CD		10	8,5	8,5	8,5	001234567●910	01234●6789
12	17118028	Nguyễn Trần Minh	Duy	DH17CK		0,0	0,0	3,8	2,3	001●345678910	012●456789
13	17118024	Lê Văn	DỰ	DH17CK		0,0	6,5	3,8	4,2	00123●5678910	01●3456789
14	16154023	Lê Đại	Dương	DH16OT		7,0	7,5	3,0	4,8	00123●5678910	01234567●9
15	17153012	Dương Tấn	Đạt	DH17CD		10	8,0	6,0	7,0	00123456●8910	●123456789
16	17118017	Nguyễn Hải	Đặng	DH17CK		10	8,0	1,3	4,2	00123●5678910	01●3456789



Mã nhận dạng 02061

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH17CK_02**

Tổ Thi

001_DH17CK_02

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi **14/06/2019**

Giờ Thi

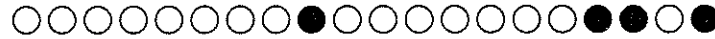
09:45

Phòng Thi

HD201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153013	Hà Công	Định	DH17CD		10	7,0	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
18	17118022	Nguyễn Văn	Định	DH17CK		00	6,5	4,0	4,4	0012345678910	0123456789
19	17153016	Nguyễn Trung	Đức	DH17CD		10	6,5	5,8	6,4	0012345678910	0123456789
20	17118026	Lê Đình	Đường	DH17CK		10	7,5	5,8	6,7	0012345678910	0123456789
21	17118031	Trần Thanh	Giang	DH17CK		10	6,5	3,3	4,9	0012345678910	0123456789
22	17153025	Trần Sơn	Hải	DH17CD		10	8,0	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
23	17153026	Nguyễn Trường	Hận	DH17CD		10	7,5	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
24	17153027	Lê Trung	Hậu	DH17CD		10	7,0	5,8	6,6	0012345678910	0123456789
25	17118038	Đỗ Thanh	Hoàng	DH17CK		5,0	7,0	2,5	4,1	0012345678910	0123456789
26	16118056	Lê Long	Hồ	DH16CC		7,0	7,0	3,8	5,1	0012345678910	0123456789
27	16154050	Trần Quang	Huy	DH16OT		10	7,5	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
28	17137033	Phan Đình	Huỳnh	DH17NL		5,0	6,0	4,8	5,2	0012345678910	0123456789
29	14153019	Cao Bá	Kế	DH14CD		00	6,0	5,3	5,0	0012345678910	0123456789
30	17118046	Trần	Khải	DH17CK		10	5,5	2,3	4,0	0012345678910	0123456789
31	17118047	Nguyễn Hữu	Khang	DH17CK		00	7,0	5,5	5,4	0012345678910	0123456789
32	17153034	Lê Văn	Khanh	DH17CD		10	6,5	3,0	4,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02061

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17CK_02**

Tổ Thi

001_DH17CK_02

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi **14/06/2019**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17153036	Đào Lưu Đăng	Khoa	DH17CD	✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	17153038	Nguyễn Tiến	Khoa	DH17CD	Khoa	10	8,0	6,3	7,2	0 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
35	17118051	Nguyễn Trung	Kiên	DH17CK	Kiên	10	6,0	4,5	5,5	0 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi 3, Số sinh viên vắng 0

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Minh Hiền

Nguyễn Văn Đức

TS. Lê Văn Tiến

Nguyễn Thanh Phong

Ngày in : 13/05/2019



Mã nhận dạng 02062

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17CK_02**

Tổ Thi **002_DH17CK_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **14/06/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV201**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK	<i>Lâm</i>		10	8,0	38	5,7	001234678910	012345689
2	17153040	Đặng Ngọc Lâm	DH17CD	<i>Lâm</i>		10	7,5	65	7,2	001234568910	013456789
3	17154049	Phan Thanh Liêm	DH17OT	<i>Liêm</i>		7,0	6,0	10	3,1	001245678910	023456789
4	17118058	Trần Ngọc Minh Mẫn	DH17CK	<i>Mẫn</i>		10	7,0	30	4,9	001235678910	012345678
5	17118059	Nguyễn Hoàng Yến	DH17CK	<i>Yến</i>		5,0	6,5	10	3,1	001245678910	023456789
6	17118062	Phạm Văn Nam	DH17CK	<i>Nam</i>		10	6,5	40	5,4	001234678910	012356789
7	15118068	Phạm Đức Mạnh	DH15CK	<i>Mạnh</i>		0,0	5,0	5,3	4,7	001235678910	012345689
8	17118063	Trần Phương CV	DH17CK	<i>CV</i>		10,0	7,0	0,5	3,4	001245678910	012356789
9	17118064	Phan Trọng M	DH17CK	<i>M</i>		10	8,0	1,5	4,3	001235678910	012456789
10	17118066	Hoàng Trung Nguyên	DH17CK	<i>Nguyên</i>		7,0	7,0	10	3,4	001245678910	012356789
11	16118108	Ngô Quang Đình Nhân	DH16CC	<i>Nhân</i>		5,0	5,5	7,3	6,5	001234578910	012346789
12	17118072	Nguyễn Minh Nhật	DH17CK	<i>Nhật</i>		7,0	8,0	5,8	6,6	001234578910	012345789
13	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD	<i>Ninh</i>		10	6,5	0,5	3,3	001245678910	012456789
14	17118076	Phan Lê Bảo Phi	DH17CK	<i>Phi</i>		10	6,5	4,3	5,5	001234678910	012346789
15	17118078	Nguyễn Lê Phong	DH17CK	<i>Phong</i>		7,0	6,0	0,5	2,8	001345678910	012345679
16	17153055	Trương Hoàng P	DH17CD	<i>P</i>		10	6,0	4,5	5,5	001234678910	012346789



Mã nhận dạng 02062

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CK_02

Tổ Thi

002_DH17CK_02

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi 14/06/2019

Giờ Thi

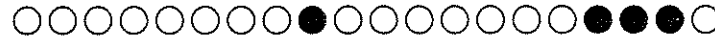
09:45

Phòng Thi

TV201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK			7,0	6,5	2,5	4,2	○ ○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	17118085	Nguyễn Đình Phương	DH17CK			0,0	6,5	1,5	2,9	○ ○ ○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
19	17138041	Trần Duy Phương	DH17TD			7,0	6,0	5,8	6,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	16138069	Nguyễn Minh Quang	DH16TD			10	5,0	2,5	4,0	○ ○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	15138049	Nguyễn Hoàng Quân	DH15TD		✓					● ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	15154041	Nguyễn Minh Nhật	DH15OT			0,0	0,0	1,5	0,9	○ ● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
23	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK			10	6,0	3,0	4,6	○ ○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
24	17118094	Bùi Phú Tâm	DH17CK			10	8,0	0,5	3,7	○ ○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
25	17118096	Bùi Nhật Tân	DH17CK			10	7,0	4,8	6,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
26	17153066	Đào Minh Thành	DH17CD			7,0	7,5	2,5	4,5	○ ○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
27	17118101	Vũ Trung Thành	DH17CK			10	7,0	2,8	4,8	○ ○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
28	17118102	Lê Tấn Phú	DH17CK			10	7,5	3,0	5,1	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
29	13115377	Nguyễn Ngọc Thảo	DH13CB		✓					● ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
30	17118103	Nguyễn Thừa	DH17CK			10	7,0	1,0	3,7	○ ○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
31	16154094	Nguyễn Chí Thiện	DH16OT		✓					● ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
32	17118107	Bá Duy Thịnh	DH17CK			10	6,0	0,3	3,0	○ ○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02062

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CK_02

Tổ Thi 002_DH17CK_02

Tên CBGD Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi 14/06/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118108	Nguyễn Chí	Thịnh	DH17CK		10	7,0	2,5	4,6	0012345678910	0123456789
34	15138067	Nguyễn Đình	Thông	DH15TD		0,0	5,0	1,3	2,3	0012345678910	0123456789
35	14154059	Phạm Văn	Thức	DH14OT						0012345678910	0123456789
36	17118115	Trần Nhật	Tiến	DH17CK		10	7,0	0,3	3,3	0012345678910	0123456789
37	17118118	Kiều Trọng	Tín	DH17CK		10	7,5	1,3	4,0	0012345678910	0123456789
38	17118120	Nguyễn Quang	Trí	DH17CK		10	7,0	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
39	17153076	Phạm Ngọc	Triệu	DH17CD		10	7,0	6,8	7,2	0012345678910	0123456789
40	17118125	Ngô Tùng	Trung	DH17CK		10	7,5	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
41	17118130	Huỳnh Anh	Tú	DH17CK		10	7,5	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
42	13138341	Trần Anh	Văn	DH13TD		10	7,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
43	17118137	Lê Đình	Việt	DH17CK		10	7,0	3,8	5,4	0012345678910	0123456789
44	17153079	Võ Quốc	Việt	DH17CD		10	8,0	4,5	6,1	0012345678910	0123456789
45	17118140	Nguyễn Xuân	Vinh	DH17CK		10	5,5	1,3	3,4	0012345678910	0123456789
46	17118142	Võ Tấn	Vũ	DH17CK		10	6,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02062

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)** Số Tín Ch **2**
Nhóm Thi **DH17CK_02** Tổ Thi **002_DH17CK_02** Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**
Ngày Thi **14/06/2019** Giờ Thi **09:45** Phòng Thi **TV201**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi **42** Số sinh viên vắng **04**

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

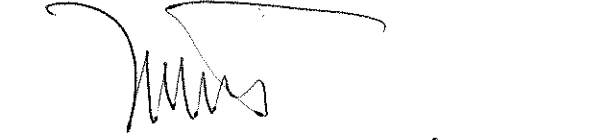
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


N.V. Kiệp


Lê Quang Tiến


V.S. Văn Tiến


Nguyễn Thanh Phong

Ngày in : 13/05/2019



Mã nhận dạng 02070

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207136)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17CKC_01**

Tổ Thi **001_DH17CKC_01**

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **10/06/2019**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi

HD305

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành Biên	DH17CKC	<i>Biên</i>		8		8.5	8.4	0012345678910	0123456789
2	17118157	Nguyễn Thành Đô	DH17CKC	<i>Đô</i>		7		6	6.3	0012345678910	0123456789
3	17118160	Trần Á Đông	DH17CKC	<i>Đông</i>		8		7	7.8	0012345678910	0123456789
4	17118158	Đặng Thành Hiếu	DH17CKC	<i>Hiếu</i>		8		5.5	6.3	0012345678910	0123456789
5	17118162	Lê Trung Hiếu	DH17CKC	<i>Huỳnh</i>		7		5.5	6.0	0012345678910	0123456789
6	17118164	Lê Gia Hoàng	DH17CKC			0		0	0	0012345678910	0123456789
7	17118161	Lê Minh Hoàng	DH17CKC	<i>Hoàng</i>		7		5.5	6.0	0012345678910	0123456789
8	17118165	Nguyễn Minh Huy	DH17CKC	<i>Huy</i>		8		7	7.3	0012345678910	0123456789
9	17118167	Huỳnh Văn Khang	DH17CKC			0		0	0	0012345678910	0123456789
10	17115069	Đặng Xuân Minh	DH17CKC	<i>Minh</i>		7.5		5.5	6.1	0012345678910	0123456789
11	17118155	Đặng Anh Phương	DH17CKC			8		0	2.4	0012345678910	0123456789
12	17118146	Lê Nguyễn Mai Phương	DH17CKC	<i>Phương</i>		8		5	5.9	0012345678910	0123456789
13	17118149	Phạm Nguyễn Minh Tiến	DH17CKC	<i>Minh</i>		8		5	5.9	0012345678910	0123456789
14	17118152	Lâm Gia Tuấn	DH17CKC	<i>Tuấn</i>		7		5.5	6.0	0012345678910	0123456789
15	17118150	Nguyễn Thái Vi	DH17CKC	<i>Vi</i>		8.5		7	7.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02070

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207136)** Số Tín Ch **2**
Nhóm Thi **DH17CKC_01** Tổ Thi **001_DH17CKC_01** Tên CBGD **Trương Công Tiên**
Ngày Thi **10/06/2019** Giờ Thi **14:45** Phòng Thi **HD305**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 12 Số sinh viên vắng 03

Ngày 14 Tháng 7 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

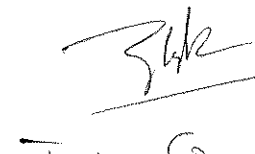
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Trương Công Tiên


Nguyễn Văn Công


Nguyễn Văn Công


Trương Công Tiên

Mã nhận dạng 02071

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH18CC_01**

Tổ Thi **001_DH18CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **17/06/2019**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ Anh	DH18CC	Anh		5,0	5,0	6,3	5,8	○○○1234●678910	○1234567●9
2	15154003	Nguyễn Đình Tuấn	DH15OT		✓					●○○12345678910	●123456789
3	18118004	Nguyễn Minh Mai	DH18CK		✓					●○○12345678910	●123456789
4	17118005	Phan Văn Hùng	DH17CK			8,0	8,0	9,0	8,6	○○○1234567●910	○12345●789
5	18118001	Dương Tấn Hoàng	DH18CC			6,0	6,0	5,0	5,4	○○○1234●678910	○123●56789
6	14137008	Lê Đình Ba	DH14NL			1,0	6,5	7,5	6,0	○○○12345●78910	●123456789
7	18118008	Phan Văn Chí	DH18CC			7,0	6,5	7,5	7,2	○○○123456●8910	○1●3456789
8	15137005	Nguyễn Đức Bửu	DH15NL		✓					●○○12345678910	●123456789
9	13154081	Lê Ngọc Châu	DH13OT			5,0	7,0	6,8	6,5	○○○12345●78910	○1234●6789
10	17154007	Nguyễn Tấn Chí	DH17OT			8,0	7,0	7,5	7,5	○○○123456●8910	○1234●6789
11	18118012	Tạ Đức Cao	DH18CC			5,0	5,5	5,5	5,4	○○○1234●678910	○123●56789
12	14153009	Lê Mạnh Cường	DH14CD			4,0	5,0	4,0	4,2	○○○123●5678910	○1●3456789
13	18118029	Trần Vĩnh Dụng	DH18CC			5,5	5,5	3,5	4,3	○○○123●5678910	○12●456789
14	18118033	Lê Phúc Duy	DH18CC			4,0	4,5	3,5	3,8	○○○12●45678910	○1234567●9
15	18118036	Ứng Phương Duy	DH18CC			4,0	6,0	2,5	3,5	○○○12●45678910	○1234●6789
16	15118024	Nguyễn Văn Hoàng	DH15CC			6,0	4,0	6,8	6,1	○○○12345●78910	○●23456789



Mã nhận dạng 02071

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH18CC_01**

Tổ Thi **001_DH18CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **17/06/2019**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118014	Bạch Thanh	Đại	DH18CC		5,0	4,0	4,3	4,4	0012345678910	0123456789
18	15154010	Lê Minh	Đại	DH15OT		5,0	4,0	4,8	4,7	0012345678910	0123456789
19	18118021	Nguyễn Tiến	Đại	DH18CC		5,0	2,0	1,0	2,0	0012345678910	0123456789
20	18118022	Phan Thành	Đại	DH18CC		7,0	7,5	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
21	18118015	Nguyễn Hải	Đại	DH18CC		5,0	4,0	3,0	3,6	0012345678910	0123456789
22	18118024	Lê Xuân	Đại	DH18CC		7,0	7,0	5,8	6,3	0012345678910	0123456789
23	18118025	Nguyễn Huỳnh	Đại	DH18CC		✓				0012345678910	0123456789
24	15137016	Lê Công	Hậu	DH15NL		7,0	6,5	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
25	17153027	Lê Trung	Hậu	DH17CD		7,0	6,5	6,0	6,3	0012345678910	0123456789
26	15154021	Nguyễn Trung	Hậu	DH15OT		4,0	3,0	4,0	3,8	0012345678910	0123456789
27	18118039	Trần Tuấn	Đại	DH18CC		✓				0012345678910	0123456789
28	16137030	Võ Trung	Đại	DH16NL		6,0	5,0	5,0	5,2	0012345678910	0123456789
29	17153034	Lê Văn	Khanh	DH17CD		5,0	6,0	6,5	6,1	0012345678910	0123456789
30	17153035	Dương Quốc	Khanh	DH17CD		7,0	6,5	6,3	6,5	0012345678910	0123456789
31	18118057	Trần Trọng	Khiêm	DH18CC		3,0	5,0	5,8	5,1	0012345678910	0123456789
32	18118058	Đào Đăng	Khoa	DH18CC		6,0	7,5	6,0	6,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02071

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH18CC_01**

Tổ Thi **001_DH18CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

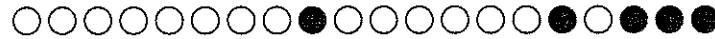
Ngày Thi **17/06/2019**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16137043	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Kiệt		4,0	4,0	6,0	5,2	0012345678910	0123456789
34	15154031	Nguyễn Hữu	Linh	Linh		6,0	7,0	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
35	17153043	Lâm Vũ	Long	Lâm Vũ		5,0	7,0	4,3	5,0	0012345678910	0123456789
36	18118077	Thết Chú	Long	Thết Chú		6,0	9,0	4,3	5,6	0012345678910	0123456789
37	18118069	Nguyễn Quý	Lộc	Nguyễn Quý		5,0	5,0	6,3	5,8	0012345678910	0123456789
38	18118070	Trương Tuấn	Lộc	Trương Tuấn		4,0	4,0	4,5	4,3	0012345678910	0123456789
39	18118078	Hồ Minh	Luân	Hồ Minh		4,0	3,0	4,5	4,1	0012345678910	0123456789
40	18118079	Nguyễn Trọng	Luận	Nguyễn Trọng		5,0	6,0	3,5	4,3	0012345678910	0123456789
41	18118086	Bùi Thị Trà	My	Bùi Thị Trà		7,0	6,0	2,5	4,1	0012345678910	0123456789
42	16153056	Đặng Toàn	Mỹ	Đặng Toàn		6,0	7,5	5,3	5,9	0012345678910	0123456789
43	18118088	Lê Đại	Nghĩa	Lê Đại		5,0	5,0	1,3	2,8	0012345678910	0123456789
44	18118090	Phan Trung	Nghĩa	Phan Trung		6,0	6,0	5,3	5,6	0012345678910	0123456789
45	18118094	Bồ Tấn	Nhân	Bồ Tấn		6,0	7,0	5,8	6,1	0012345678910	0123456789
46	18118096	Đặng Danh	Nhân	Đặng Danh		6,0	6,0	5,0	5,4	0012345678910	0123456789
47	15118076	Trương Trọng	Nhân	Trương Trọng		4,0	3,0	3,5	3,5	0012345678910	0123456789
48	17153051	Võ Thành	Nhân	Võ Thành		7,0	6,0	6,5	6,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02071

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH18CC_01**

Tổ Thi **001_DH18CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **17/06/2019**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18118100	Dương Thị Tuyết	Nhi			9,0	9,0	65	7,5	00123456●8910	01234●6789
50	14118048	Bùi Hoàng	Phong			00	4,0	3,5	2,9	001●345678910	012345678●
51	15154038	Đặng Thanh	Phong			7,0	4,0	7,5	6,7	0012345●78910	0123456●89
52	15118088	Trần Hữu	Son			6,0	6,0	7,5	6,9	0012345●78910	012345678●
53	18118120	Lê Tấn	Tài			5,0	5,0	4,5	4,7	00123●5678910	0123456●89
54	18118122	Nguyễn Minh	Tâm			6,0	7,5	7,0	6,9	0012345●78910	012345678●
55	18118127	Lương Văn	Thái			5,0	6,0	7,0	6,4	0012345●78910	0123●56789
56	18118128	Phạm Văn	Thái			7,0	7,5	8,5	8,0	001234567●910	●123456789
57	18118129	Phan Quốc	Thái			4,0	5,0	6,0	5,4	001234●678910	0123●56789
58	17153065	Phan Trọng	Thái			8,0	6,0	7,0	7,0	00123456●8910	●123456789
59	17153066	Đào Minh	Thành			7,0	6,0	4,5	5,3	001234●678910	012●456789
60	18118133	Lê Nguyễn Tuấn	Thành			6,0	7,0	5,8	6,1	0012345●78910	0●23456789
61	18118131	Nguyễn Minh	Thắng			5,0	2,0	4,5	4,1	00123●5678910	0●23456789
62	15154053	Son Ngọc	Thắng		✓					●012345678910	●123456789
63	14154053	Võ Hoàng	Thắng			6,0	5,0	7,0	6,4	0012345●78910	0123●56789
64	18118137	Nguyễn Hoàng	Thế			7,0	6,0	6,5	6,5	0012345●78910	01234●6789



Mã nhận dạng 02071

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH18CC_01**

Tổ Thi **001_DH18CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **17/06/2019**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 Điểm %	Đ2 Điểm %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18118139	Nguyễn Chí Thiện	DH18CC			6,0	7,0	6,0	6,2	0012345678910	0123456789
66	17154095	Huỳnh Minh Thịnh	DH18OT			5,0	7,5	4,8	5,4	0012345678910	0123456789
67	18118222	Châu Ngọc Ti	DH18CC			5,0	7,0	5,0	5,4	0012345678910	0123456789
68	18118152	Dương Minh Tiến	DH18CC			5,0	5,0	3,0	3,8	0012345678910	0123456789
69	18118155	Nguyễn Phát Tín	DH18CC			6,0	4,0	5,5	5,3	0012345678910	0123456789
70	18118157	Trần Duy Toàn	DH18CC			4,0	3,0	1,0	2,0	0012345678910	0123456789
71	18118161	Lâm Thanh Triều	DH18CC		✓					0012345678910	0123456789
72	18118164	Lê Minh Trung	DH18CC			7,0	5,0	7,0	6,6	0012345678910	0123456789
73	18118166	Nguyễn Quốc Trung	DH18CC			6,0	5,0	5,3	5,4	0012345678910	0123456789
74	18118171	Đặng Minh Tuấn	DH18CC			3,0	4,0	4,0	3,8	0012345678910	0123456789
75	13153400	Nguyễn Anh Tuấn	DH13CD		✓					0012345678910	0123456789
76	18118176	Tổng Văn Tuấn	DH18CC			2,0	4,0	3,0	3,0	0012345678910	0123456789
77	18118177	Hà Thanh Tùng	DH18CC			6,0	5,0	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
78	18118178	Nguyễn Thanh Tùng	DH18CC			7,0	5,5	1,0	3,1	0012345678910	0123456789
79	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC			7,0	7,5	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
80	18118183	Nguyễn Hồ Phú Vinh	DH18CC			5,0	4,0	2,0	3,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02071

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CC_01**

Tổ Thi **001_DH18CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **17/06/2019**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
81	18118185	Trần Phúc Vinh	DH18CC			5,0	5,0	5,0	5,0	0012345678910	0123456789
82	18118186	Hoàng Long Vũ	DH18CC			3,0	7,0	5,5	5,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 14 Số sinh viên vắng 08...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Thị Minh

Nguyễn Thanh Phong

TS. Vũ Thanh Tiệp

Nguyễn Thanh Phong

Ngày in : 13/05/2019

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18OT_01**

Tổ Thi

001_DH18OT_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **21/06/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153001	Bùi Vũ Khánh	An	DH18CD		0		0	0	0012345678910	0123456789
2	18154004	Lương Tiến	Anh	DH18OT	<i>Ace</i>	7		7.2	7.1	0012345678910	0123456789
3	18153002	Trương Quốc	Anh	DH18CD	<i>Trương</i>	6		5.8	4.5	0012345678910	0123456789
4	18154011	Lý Thị	Bé	DH18OT	<i>Ly Thi</i>	8		6.4	6.9	0012345678910	0123456789
5	18137007	Đào Chí	Cường	DH18NL	<i>Đào</i>	8		4	5.2	0012345678910	0123456789
6	18154018	Huỳnh Công	Danh	DH18OT	<i>Danh</i>	7		6	6.3	0012345678910	0123456789
7	18153011	Võ Thành	Danh	DH18CD	<i>Võ</i>	8		6.2	6.8	0012345678910	0123456789
8	18118023	Nguyễn Tấn	Diện	DH18CK	<i>Nguyễn</i>	6		5.2	5.4	0012345678910	0123456789
9	18154027	Đinh Quốc	Dũng	DH18OT	<i>Đinh</i>	7		6.2	6.4	0012345678910	0123456789
10	18154028	Phạm Tiến	Dũng	DH18OT	<i>Phạm</i>	7		5.4	5.9	0012345678910	0123456789
11	18153015	Đỗ Trung	Dương	DH18CD	<i>Đỗ</i>	8		5.4	6.2	0012345678910	0123456789
12	18153016	Nguyễn Thái	Dương	DH18CD	<i>Nguyễn</i>	8		7.8	7.9	0012345678910	0123456789
13	18154020	Nguyễn Quang	Đạo	DH18OT	<i>Nguyễn</i>	6		4.4	4.9	0012345678910	0123456789
14	18154021	Lâm Gia	Đạt	DH18OT	<i>Lâm</i>	7		8.6	4.6	0012345678910	0123456789
15	18154025	Nguyễn Trung	Đinh	DH18OT	<i>Nguyễn</i>	7		6.8	6.9	0012345678910	0123456789
16	18153014	Bùi Hữu	Đức	DH18CD	<i>Bùi</i>	7		5.6	4.6	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02085

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18OT_01**

Tổ Thi

001_DH18OT_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **21/06/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154036	Lê Võ Quang	Hiếu	DH18OT	<i>Quang</i>	7		3.8	4.8	0012345678910	0123456789
18	18154050	Võ Nguyễn Gia	Huy	DH18OT	<i>Huy</i>	7		6.2	6.4	0012345678910	0123456789
19	18154041	Nguyễn Minh	Hưng	DH18OT	<i>Hưng</i>	7		1.8	3.4	0012345678910	0123456789
20	18154042	Nguyễn Hữu Trọn	Hường	DH18OT	<i>Hường</i>	7		5.8	6.2	0012345678910	0123456789
21	18154051	Đình Nhĩ	Khang	DH18OT	<i>Khang</i>	7		4.8	5.5	0012345678910	0123456789
22	18154053	Trần Công	Khánh	DH18OT	<i>Khánh</i>	6		7	6.7	0012345678910	0123456789
23	18154057	Đặng Nguyễn Minh	Kiên	DH18OT	<i>Kiên</i>	7		3.2	4.8	0012345678910	0123456789
24	18154058	Đỗ Tuấn	Kiệt	DH18OT	<i>Kiệt</i>	7		4.4	5.2	0012345678910	0123456789
25	18153038	Lê Trọng	Lâm	DH18CD	<i>Trọng</i>	7		7	7	0012345678910	0123456789
26	18154059	Nguyễn Phan Hoài	Lâm	DH18OT	<i>Hoài</i>	6		8.4	7.7	0012345678910	0123456789
27	18154063	Nguyễn Xuân	Linh	DH18OT	<i>Linh</i>	7		2.8	4.1	0012345678910	0123456789
28	18153039	Trần Cao	Linh	DH18CD	<i>Cao</i>	8		5	5.9	0012345678910	0123456789
29	18154068	Phạm Kim	Long	DH18OT	<i>Kim</i>	6		4.8	5.2	0012345678910	0123456789
30	18154064	Nguyễn Văn	Lợi	DH18OT	<i>Văn</i>	7		6.4	6.6	0012345678910	0123456789
31	18137028	Cao Tấn	Nam	DH18NL	<i>Nam</i>	7		4	4.9	0012345678910	0123456789
32	18154071	Nguyễn Thế	Nam	DH18OT	<i>Thế</i>	7		6.6	6.7	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02085

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18OT_01**

Tổ Thi

001_DH18OT_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **21/06/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154075	Huỳnh Trọng	Nghĩa	DH18OT	<i>nguy</i>	7		6.4	6.6	0012345678910	0123456789
34	18153048	Nguyễn Đại	Nghĩa	DH18CD	<i>nguy</i>	7		2.8	4.1	0012345678910	0123456789
35	18154077	Nguyễn Thanh	Nghiêm	DH18OT	<i>nguy</i>	8		5.2	6	0012345678910	0123456789
36	18154078	Đặng Văn	Ngoan	DH18OT	<i>nguy</i>	6		6.4	6.3	0012345678910	0123456789
37	18154081	Võ Nhật	Nguyên	DH18OT	<i>nguy</i>	6		7.2	6.8	0012345678910	0123456789
38	18154083	Phạm Minh	Nhã	DH18OT	<i>nguy</i>	7		6.2	6.4	0012345678910	0123456789
39	18154086	Võ Đình	Nhân	DH18OT	<i>nguy</i>	6		5.8	5.9	0012345678910	0123456789
40	18154088	Nguyễn Đình	Nhật	DH18OT	<i>nguy</i>	7		8	7.7	0012345678910	0123456789
41	18153050	Nguyễn Minh	Nhật	DH18CD	<i>nguy</i>	8		4.6	5.6	0012345678910	0123456789
42	18154092	Chau Sô	Phát	DH18OT	<i>nguy</i>	7		5.2	5.7	0012345678910	0123456789
43	18154093	Nguyễn Hữu	Phát	DH18OT	<i>nguy</i>	7		7.4	7.3	0012345678910	0123456789
44	18137031	Nguyễn Thành	Phát	DH18NL	<i>nguy</i>	7		2	3.5	0012345678910	0123456789
45	18137032	Nguyễn Thành	Phát	DH18NL	<i>nguy</i>	8		3.8	5.1	0012345678910	0123456789
46	18137034	Dương Văn	Phong	DH18NL	<i>nguy</i>	8		7	7.3	0012345678910	0123456789
47	18154096	Quách THạnh	Phú	DH18OT	<i>nguy</i>	7		6.4	6.6	0012345678910	0123456789
48	18137035	Võ Hồng	Phú	DH18NL	<i>nguy</i>	8		4.6	5.6	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02085

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18OT_01**

Tổ Thi **001_DH18OT_01**

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Ngày Thi **21/06/2019**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD303**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18154097	Hồ Hoàng Phúc	DH18OT	<i>HPHuc</i>		7		4.2	5	0012345678910	0123456789
50	18154099	Trần Hoàng Phúc	DH18OT	<i>Phuc</i>		8		6.4	6.3	0012345678910	0123456789
51	18154100	Mai Trần Phương	DH18OT	<i>Ph</i>		7		3.8	4.8	0012345678910	0123456789
52	18153055	Vô Trí Quan	DH18CD			0		0	0	0012345678910	0123456789
53	18153056	Nguyễn Đăng Quang	DH18CD	<i>Quang</i>		8		4.4	5.5	0012345678910	0123456789
54	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT	<i>Qu</i>		7		8.6	8.1	0012345678910	0123456789
55	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL	<i>Qu</i>		7		6.2	6.4	0012345678910	0123456789
56	18154104	Lê Duy Quốc	DH18OT	<i>Quoc</i>		7		3.2	4.3	0012345678910	0123456789
57	18154105	Đinh Hoàng Sơn	DH18OT	<i>HSon</i>		7		4.2	5	0012345678910	0123456789
58	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật Tảo	DH18OT	<i>HTao</i>		7		6	6.3	0012345678910	0123456789
59	18154111	Phạm Ngọc Thái	DH18OT	<i>HTai</i>		7		4	4.9	0012345678910	0123456789
60	18154112	Trần Lê Phương Thái	DH18OT	<i>HTai</i>		7		5.2	5.8	0012345678910	0123456789
61	18153067	Trần Hải Thành	DH18CD	<i>HT</i>		8		5.4	6.2	0012345678910	0123456789
62	18154116	Đặng Kim Thảo	DH18OT	<i>HT</i>		7		5	5.6	0012345678910	0123456789
63	18154113	Lê Đức Thắng	DH18OT	<i>HT</i>		7		3	4.2	0012345678910	0123456789
64	18153066	Nguyễn Minh Đức Thắng	DH18CD	<i>HT</i>		7		7.2	7.1	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02085

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH18OT_01**

Tổ Thi

001_DH18OT_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **21/06/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD303

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18154114	Nguyễn Quốc Thắng	DH18OT			7		5.4	5.9	0012345678910	0123456789
66	18154115	Trần Hữu Thắng	DH18OT			7		6.2	6.4	0012345678910	0123456789
67	18153069	Bùi Xuân Thiện	DH18CD			8		8	8	0012345678910	0123456789
68	18154119	Đoàn Văn Thìn	DH18OT			7		2.8	4.1	0012345678910	0123456789
69	17154095	Huỳnh Minh Thịnh	DH18OT			7		4	4.9	0012345678910	0123456789
70	18154122	Hồ Văn Thuận	DH18OT			7		5	5.6	0012345678910	0123456789
71	18154123	Trương Văn Thúc	DH18OT			7		7.4	7.3	0012345678910	0123456789
72	18154125	Nguyễn Văn Toàn	DH18OT			8		6	6.6	0012345678910	0123456789
73	18154131	Nguyễn Tài Tuệ	DH18OT			0		0	0	0012345678910	0123456789
74	18154135	Võ Văn Vũ	DH18OT			7		6.8	6.9	0012345678910	0123456789
75	18153086	Nguyễn Việt Ý	DH18CD			7		4.8	5.5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 2 Số sinh viên vắng 03

Ngày 24 Tháng 7 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in: 13/05/2019



Mã nhận dạng 02084

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_02**

Tổ Thi

001_DH18NL_02

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **21/06/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường An	DH18OT			7		4.8	5.5	0012345678910	0123456789
2	18154005	Nguyễn Duy Anh	DH18OT			8		3.8	5.1	0012345678910	0123456789
3	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT			8		2.4	4.1	0012345678910	0123456789
4	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT			5		7	6.4	0012345678910	0123456789
5	18154003	Trương Long Ân	DH18OT			8		5	5.9	0012345678910	0123456789
6	18154009	Phan Hải Âu	DH18OT			8		6.8	7.2	0012345678910	0123456789
7	18137002	Nguyễn Công Bảo	DH18NL			5		4	4.3	0012345678910	0123456789
8	18153004	Nguyễn Ngọc Bảo	DH18CD			5		5.8	5.6	0012345678910	0123456789
9	18118007	Nguyễn Văn Quốc Bảo	DH18CK			0		3.4	2.4	0012345678910	0123456789
10	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL			6		7.2	6.8	0012345678910	0123456789
11	18153007	Trần Minh Chiến	DH18CD			6		3.8	4.5	0012345678910	0123456789
12	18137006	Bùi Văn Cường	DH18NL			6		7	6.7	0012345678910	0123456789
13	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT			7		5.2	5.7	0012345678910	0123456789
14	18137013	Nguyễn Tiến Dũng	DH18NL			7		8.2	7.8	0012345678910	0123456789
15	18153013	Nguyễn Văn Dư	DH18CD			7		3	4.2	0012345678910	0123456789
16	18154031	Nguyễn Minh Dương	DH18OT			7		5.6	6	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02084

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_02**

Tổ Thi

001_DH18NL_02

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **21/06/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154016	Dương Đình Đại	DH18OT			8		8.4	8.8	0012345678910	0123456789
18	18154022	Lưu Quốc Đạt	DH18OT			6		5	5.8	0012345678910	0123456789
19	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL			7		4	4.9	0012345678910	0123456789
20	18154023	Trần Văn Đạt	DH18OT			7		0	2.1	0012345678910	0123456789
21	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL			8		7.2	7.4	0012345678910	0123456789
22	18154032	Nguyễn Ngọc Giang	DH18OT			8		7.4	7.6	0012345678910	0123456789
23	18154033	Lương Văn Giàu	DH18OT			8		8	8	0012345678910	0123456789
24	18153018	Lê Thanh Hải	DH18CD			7		7.6	7.4	0012345678910	0123456789
25	18154035	Dương Trọng Hiếu	DH18OT			8		8	8	0012345678910	0123456789
26	18137017	Huỳnh Thanh Hiếu	DH18NL			7		7.8	7.6	0012345678910	0123456789
27	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT			6		5	5.8	0012345678910	0123456789
28	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT			8		6.4	6.9	0012345678910	0123456789
29	18154037	Nguyễn Văn Hóa	DH18OT			8		7.6	7.7	0012345678910	0123456789
30	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL			9		6.8	7.5	0012345678910	0123456789
31	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL			7		7.6	7.4	0012345678910	0123456789
32	18153026	Đoàn Ngọc Hoàng	DH18CD			7		7	7	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02084

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_02**

Tổ Thi

001_DH18NL_02

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **21/06/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18137020	Nguyễn Hữu Hoàng	DH18NL			0		0	0	0012345678910	0123456789
34	18154040	Nguyễn Việt	DH18OT			7		6.6	6.7	0012345678910	0123456789
35	18137021	Hồ Xuân Hùng	DH18NL			7		6.4	6.6	0012345678910	0123456789
36	18154046	Nguyễn Hoàng Huy	DH18OT			8		2.4	4.1	0012345678910	0123456789
37	18154048	Phạm Trần Gia Huy	DH18OT			6		4	4.6	0012345678910	0123456789
38	18154052	Trần Chí Khang	DH18OT			6		4.8	5.2	0012345678910	0123456789
39	18154054	Thạch Đăng Khoa	DH18OT			5		4.6	4.7	0012345678910	0123456789
40	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL			0		2.6	1.8	0012345678910	0123456789
41	18153037	Nguyễn Minh Khôi	DH18CD			8		3.2	4.6	0012345678910	0123456789
42	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT			5		4	4.3	0012345678910	0123456789
43	18154061	Chu Phú Lâm	DH18OT			7		5.2	5.7	0012345678910	0123456789
44	18153042	Lưu Hoàng Long	DH18CD			7		7.8	7.6	0012345678910	0123456789
45	18154066	Lưu Kim Long	DH18OT			8		6.8	7.2	0012345678910	0123456789
46	18137026	Huỳnh Đa Lộc	DH18NL			7		6.6	6.7	0012345678910	0123456789
47	18153047	Huỳnh Minh Mẫn	DH18CD			8		6.6	7	0012345678910	0123456789
48	18137029	Nguyễn Huỳnh Nam	DH18NL			6		2.4	3.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02084

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_02**

Tổ Thi

001_DH18NL_02

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **21/06/2019**

Giờ Thi

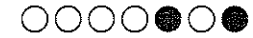
14:45

Phòng Thi

TV201

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 36%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18154080	Đào Quang Trung	Nguyên	DH18OT		7		0	2.1	0012345678910	0123456789
50	18137030	Trần Duy	Nhật	DH18NL		0		0	0	0012345678910	0123456789
51	18154089	Đoàn Minh	Nhớ	DH18OT		6		4	4.6	0012345678910	0123456789
52	18154090	Trần Nguyễn Minh	Nhật	DH18OT		8		2.8	4.4	0012345678910	0123456789
53	18154095	Nguyễn Văn	Phong	DH18OT		8		6.6	7	0012345678910	0123456789
54	18153053	Nguyễn Công Xuân	Phú	DH18CD		8		5.8	6.5	0012345678910	0123456789
55	18153054	Nguyễn Tấn	Phúc	DH18CD		8		7.8	7.9	0012345678910	0123456789
56	18137036	Nguyễn Đình Anh	Quang	DH18NL		7		5.4	5.9	0012345678910	0123456789
57	18153058	Trần Minh	Quang	DH18CD		8		4.4	5.5	0012345678910	0123456789
58	18153060	Phạm Thanh	Quel	DH18CD		8		7.2	7.4	0012345678910	0123456789
59	18153064	Đoàn Văn	Tân	DH18CD		7		5.2	5.7	0012345678910	0123456789
60	18137039	Phạm Trương Quang	Tân	DH18NL		8		7.2	7.4	0012345678910	0123456789
61	18154108	Trương Thành	Tân	DH18OT		5		7.2	6.5	0012345678910	0123456789
62	18154110	Huỳnh Phước	Thái	DH18OT		8		6	6.6	0012345678910	0123456789
63	18137040	Cao Hoàng	Thiện	DH18NL		6		2.6	3.6	0012345678910	0123456789
64	18154120	Trần Quốc	Thịnh	DH18OT		6		5.8	5.9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02084

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_02**

Tổ Thi

001_DH18NL_02

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **21/06/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV201

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18137041	Trần Văn Thọ	DH18NL			7		3	4.2	0012345678910	0123456789
66	18154121	Giang Đại Thuận	DH18OT			8		4	5.2	0012345678910	0123456789
67	18154124	Nguyễn Hữu Tín	DH18OT			5		6.8	6.3	0012345678910	0123456789
68	18137043	Nguyễn Văn Trí	DH18NL			8		6	6.6	0012345678910	0123456789
69	18154126	Võ Minh Trí	DH18OT			7		6.8	6.9	0012345678910	0123456789
70	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL			8		4.2	5.3	0012345678910	0123456789
71	18137045	Nguyễn Đỗ Trung	DH18NL			5		4	4.3	0012345678910	0123456789
72	18137046	Phan Khánh Trung	DH18NL			8		2.6	4.2	0012345678910	0123456789
73	18137047	Hồng Nguyễn Phi Trường	DH18NL			7		3.6	4.6	0012345678910	0123456789
74	18154132	Nguyễn Thanh Tùng	DH18OT			6		5.6	5.7	0012345678910	0123456789
75	18137050	Nguyễn Thị Yên	DH18NL			9		7.4	7.9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 71 Số sinh viên vắng 4

Ngày 24 Tháng 7 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày 13/05/2019



Mã nhận dạng 02083

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CD_03**

Tổ Thi

001_DH18CD_03

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **21/06/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT			7		3.2	4.3	0012345678910	0123456789
2	18153003	Đình Quốc Bảo	DH18CD			8		5	5.9	0012345678910	0123456789
3	18153005	Phan Chí Bảo	DH18CD			6		6.4	6.5	0012345678910	0123456789
4	18137003	Bùi Hữu Bình	DH18NL			7		5	5.6	0012345678910	0123456789
5	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT			6		6.4	6.5	0012345678910	0123456789
6	18153006	Trần Hữu Chí	DH18CD			6		7.2	6.8	0012345678910	0123456789
7	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD			6		3.4	4.2	0012345678910	0123456789
8	18154015	Nguyễn Chí Cường	DH18OT			8		4	5.2	0012345678910	0123456789
9	18118021	Nguyễn Tiến Đạt	DH18CC			7		3	4.2	0012345678910	0123456789
10	18153012	Trần Tấn Đạt	DH18CD			4		4.6	4.4	0012345678910	0123456789
11	18153010	Đặng Hải Đăng	DH18CD			7		3.6	4.6	0012345678910	0123456789
12	18154024	Nguyễn Phi Đình	DH18OT			9		7.8	8.2	0012345678910	0123456789
13	18153017	Nguyễn Bảo Giang	DH18CD			7		6.8	6.9	0012345678910	0123456789
14	18153021	Nguyễn Trung Hiếu	DH18CD			5		6.4	6	0012345678910	0123456789
15	18153022	Nguyễn Văn Minh Hiếu	DH18CD			5		3.6	4	0012345678910	0123456789
16	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD			7		4.4	5.2	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02083

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CD_03**

Tổ Thi

001_DH18CD_03

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **21/06/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153025	Phạm Ngọc Hòa	DH18CD			0		4.2	2.9	0012345678910	0123456789
18	18154047	Nguyễn Hữu Minh	DH18OT			5		2.4	3.2	0012345678910	0123456789
19	18153029	Trương Vĩnh	DH18CD			7		3	4.2	0012345678910	0123456789
20	18153027	Trần Ngọc Hưng	DH18CD			8		6.6	7	0012345678910	0123456789
21	18153030	Huỳnh Minh Kha	DH18CD			5		6.8	6.8	0012345678910	0123456789
22	18153033	Nguyễn Việt Vĩnh	DH18CD			7		2.8	4.1	0012345678910	0123456789
23	18153035	Vũ Chúc	DH18CD			7		6.6	6.7	0012345678910	0123456789
24	18153036	Trần Việt	DH18CD			6		4.2	4.7	0012345678910	0123456789
25	18154056	Cao Trung	DH18OT			6		5.8	5.9	0012345678910	0123456789
26	18154065	Huỳnh Vũ	DH18OT			0		0	0	0012345678910	0123456789
27	18153041	Lâm Hoàng	DH18CD			8		6.8	7.2	0012345678910	0123456789
28	18153045	Võ Hoàng	DH18CD			7		3.4	4.5	0012345678910	0123456789
29	18154070	Nguyễn Hoàng	DH18OT			5		3.8	4.2	0012345678910	0123456789
30	18154072	Phan Thành	DH18OT			5		3.6	4	0012345678910	0123456789
31	18154073	Tạ Hoàng	DH18OT			7		4.8	5.5	0012345678910	0123456789
32	18154076	Văn Hữu	DH18OT			5		7	6.4	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02083

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CD_03**

Tổ Thi

001_DH18CD_03

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **21/06/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18153051	Trần Minh Nhựt	DH18CD			8		5.2	6	0012345678910	0123456789
34	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT			7		3	4.2	0012345678910	0123456789
35	18153057	Trần Minh Quang	DH18CD			0		0	0	0012345678910	0123456789
36	18153061	Mai Diệp Quốc	DH18CD			7		3	4.2	0012345678910	0123456789
37	18153062	Nguyễn Ngọc Quỳnh	DH18CD			7		3.2	4.3	0012345678910	0123456789
38	18153063	Tôn Thế Trung Sơn	DH18CD			7		3	4.2	0012345678910	0123456789
39	18153065	Lương Viết Tây	DH18CD			8		5	5.9	0012345678910	0123456789
40	18153073	Nguyễn Tất Thuận	DH18CD			8		5.2	6	0012345678910	0123456789
41	18153076	Thái Anh Tiến	DH18CD			0		0	0	0012345678910	0123456789
42	18153077	Nguyễn Minh Trí	DH18CD			7		4	4.9	0012345678910	0123456789
43	18153078	Tô Trung Trục	DH18CD			7		5.2	5.7	0012345678910	0123456789
44	18153080	Dương Nguyễn Khang Trường	DH18CD			0		0	0	0012345678910	0123456789
45	18154129	Trần Mạnh Trường	DH18OT			7		4.4	5.2	0012345678910	0123456789
46	18153082	Hà Minh Tùng	DH18CD			6		4.4	4.9	0012345678910	0123456789
47	18153083	Phạm Khải Tường	DH18CD			7		5.6	6	0012345678910	0123456789
48	18118182	Ngô Văn Viết	DH18CK			7		7	7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02083

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CD_03**

Tổ Thi

001_DH18CD_03

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **21/06/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV102

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18137049	Lê Kim Vinh	DH18NL	Vinh		7		2.2	3.6	0012345678910	0123456789
50	18118188	Phan Lý Kim Vũ	DH18CK			7		5	5.6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 24 Tháng 7 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi I _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Uoal
Nguyễn Văn Công

Kyueh
Lê Khắc Quý

Caiphut
Nguyễn Văn Công

Zhik
Trương Công Tiến



Mã nhận dạng 02093

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Máy nâng chuyên(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16CC_03

Tổ Thi 001_DH16CC_03

Tên CBGD Nguyễn Hải Đăng

Ngày Thi 10/06/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV103

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118010	Đình Quốc Ân	DH16CK			9	7	8	7,9	0012345678910	0123456789
2	17138001	Huỳnh Hoài Bảo	DH17TD			9	7,5	2	3,8	0012345678910	0123456789
3	16118015	Nguyễn Quốc Bảo	DH16CK			8,5	7,5	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
4	15118007	Lâm Quang Chiến	DH15CC			4	5,5	3,5	4,0	0012345678910	0123456789
5	17138005	Mai Hùng Cường	DH17TD			9	6	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
6	16118027	Trần Mậu Dân	DH16CC			9,5	5	4,7	5,3	0012345678910	0123456789
7	17138012	Phạm Hải Dương	DH17TD			9,5	7,5	6	6,7	0012345678910	0123456789
8	16118036	Trần Nguyễn Hải Dương	DH16CC			8,5	5,5	3,5	4,4	0012345678910	0123456789
9	17138007	Trần Quang Đại	DH17TD			9	4,5	5,4	5,6	0012345678910	0123456789
10	17138008	Nguyễn Hữu Đan	DH17TD			9	7,5	3	4,5	0012345678910	0123456789
11	16118046	Nguyễn Ngọc Hải	DH16CC			9,5	8,5	8	8,3	0012345678910	0123456789
12	16118049	Nguyễn Văn Hào	DH16CK			9	7,5	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
13	16118051	Đỗ Đức Hậu	DH16CC			9	7,5	6	6,6	0012345678910	0123456789
14	15138074	Phạm Lê Thanh Hòa	DH15TD			9,5	6,5	6	6,5	0012345678910	0123456789
15	16118056	Lê Long Hồ	DH16CC			4	6	6,5	6,2	0012345678910	0123456789
16	16118061	Huỳnh Tấn Hữu	DH16CC			9	8	6,5	7,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02093

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Máy nâng chuyển(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16CC_03

Tổ Thi 001_DH16CC_03

Tên CBGD Nguyễn Hải Đăng

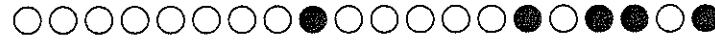
Ngày Thi 10/06/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV103

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	14137044	Nguyễn Văn Ka	DH14NL			9	7,5	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
18	17138024	Phạm Ngọc Khải	DH17TD			9	7,5	3,5	4,9	0012345678910	0123456789
19	16118071	Cao Hoàng Khang	DH16CC			9	8	9	8,8	0012345678910	0123456789
20	16118074	Đỗ Minh Khôi	DH16CC			9	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
21	16118076	Vũ Hoàng Kim	DH16CK			9	6	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
22	16118080	Bùi Lâm	DH16CC			8,5	8	6	6,7	0012345678910	0123456789
23	17138029	Nguyễn Văn Linh	DH17TD			9,5	8	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
24	16118086	Nguyễn Đại Lộc	DH16CC			9,5	8,5	7	7,6	0012345678910	0123456789
25	16118088	Nguyễn Hoàn Phước	DH16CC			9	6,5	4	5,0	0012345678910	0123456789
26	16118090	Nguyễn Tấn Lợi	DH16CC						✓	0012345678910	0123456789
27	16118107	Huỳnh Hữu Nhân	DH16CC			9	8	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
28	16118108	Ngô Quang Đình	DH16CC			9	6,5	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
29	15118076	Trương Trọng Nhân	DH15CC			4	0	6,5	5,0	0012345678910	0123456789
30	17138037	Bùi Trung Pháp	DH17TD			9	7	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
31	17138038	Trần Huy Phát	DH17TD			9	7,5	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
32	17138043	Nguyễn Trọng Quang	DH17TD			9	7,5	4,5	5,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02093

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Máy nâng chuyển(207217)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH16CC_03

Tổ Thi

001_DH16CC_03

Tên CBGD

Nguyễn Hải Đăng

Ngày Thi 10/06/2019

Giờ Thi

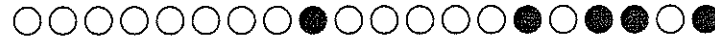
12:15

Phòng Thi

TV103

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16118123	Nguyễn Tông	Quân			3,5	8	4	4,8	0012345678910	0123456789
34	16118128	Lê Đức	Quy			9	8,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
35	17138044	Nguyễn Linh	Sang			9	8	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
36	16118134	Nguyễn Duy	Son			9	7,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
37	14137064	Lê Nguyễn Minh	Tài						✓	0012345678910	0123456789
38	17138045	Nguyễn Thế	Tài			9	6	3,5	4,6	0012345678910	0123456789
39	17118100	Đoàn Tấn	Thành			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
40	16118143	Hà Văn	Thắng			9	8,5	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
41	16118144	Nguyễn Minh	Thắng			9	7	8	7,9	0012345678910	0123456789
42	17138052	Phạm Hoài	Thu			9	9	8	8,3	0012345678910	0123456789
43	17138054	Nguyễn Ngọc Minh	Thuận			9,5	6,5	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
44	17118114	Bùi Minh	Thượng			9	9	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
45	16118159	Lê Văn	Tinh			9,5	8,5	9	9,0	0012345678910	0123456789
46	16118160	Lê Bá	Toàn			9	8	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
47	17138057	Đào Bá Khánh	Trình			8	4,5	5,5	5,6	0012345678910	0123456789
48	15137064	Đỗ Bảo	Trọng			4,5	7,5	2,5	3,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02093

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Máy nâng chuyển(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16CC_03

Tổ Thi 001_DH16CC_03

Tên CBGD Nguyễn Hải Đăng

Ngày Thi 10/06/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV103

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	15138069	Nguyễn Trần Nghĩa	Trọng			8,5	7	5,5	6,1	0012345●78910	0●23456789
50	17138059	Nguyễn Chí	Trung			8,5	4,5	2	3,2	0012●45678910	01●3456789
51	17138061	Bùi Anh	Tuấn			6,5	2,5	3	3,3	0012●45678910	012●456789
52	16118189	Nguyễn Anh	Tuấn			9	5	5,5	5,8	001234●678910	01234567●9
53	14137092	Cao Tấn	Tùng						✓	●012345678910	0123456789
54	16118170	Võ	Tường			9	5,5	5,5	5,9	001234●678910	012345678●
55	16118171	Đoàn Đình	Văn			4,5	8,5	3	4,3	00123●5678910	012●456789
56	17118136	Đặng Thanh	Việt			9	6,5	8	7,8	00123456●8910	01234567●9
57	16118178	Phan Hoàng	Vũ			9	7,5	4,5	5,6	001234●678910	012345●789
58	16118179	Nguyễn Minh	Vương			9	8	8,5	8,5	001234567●910	01234●6789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 13/05/2019

Nguyễn Hải Đăng

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Hải Đăng



Mã nhận dạng 02104

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Máy làm đất(207303)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH16CK_01

Tổ Thi 001_DH16CK_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 17/06/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118008	Hồ Thái An	DH16CK			10	6	7	7,1	0012345678910	0123456789
2	15118001	Nguyễn Bình	DH15CK			10	5,3	6	6,3	0012345678910	0123456789
3	14118097	Trần Lâm	DH14CK			9	7	4	5,1	0012345678910	0123456789
4	16118010	Đình Quốc	DH16CK			9	4,8	3	4,0	0012345678910	0123456789
5	14118004	Đồng Văn	DH14CK			5	3	1,3	2,0	0012345678910	0123456789
6	16118014	Lê Văn	DH16CK			9	4	5	5,2	0012345678910	0123456789
7	16118015	Nguyễn Quốc	DH16CK			9	4,8	5,8	5,9	0012345678910	0123456789
8	16118016	Tăng Duy	DH16CK			9	6,5	4,3	5,2	0012345678910	0123456789
9	16118023	Huỳnh Trung	DH16CK			10	7,5	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
10	16118026	Tổng Mạnh	DH16CK			9	5,8	5	5,6	0012345678910	0123456789
11	15118012	Trần Thanh	DH15CK			9	5,5	1,5	3,1	0012345678910	0123456789
12	16118035	Phạm Anh	DH16CK			6	5	1,8	2,8	0012345678910	0123456789
13	15118022	Trần Hoàng	DH15CK			9	6	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
14	13118095	Lưu Trần Tấn	DH13CK			6	6	7	6,7	0012345678910	0123456789
15	15118010	Lâm Văn	DH15CK			6	7,2	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
16	16118029	Văn Phú	DH16CK			8	6,5	1	2,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02104

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Máy làm đất(207303)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH16CK_01

Tổ Thi 001_DH16CK_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 17/06/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15118019	Nguyễn Tấn	Đồng	DH15CK		8	7,6	4	5,1	0012345678910	0123456789
18	16118047	Nguyễn Văn	Hạnh	DH16CK					0	0012345678910	0123456789
19	16118049	Nguyễn Văn	Hào	DH16CK		9	4,5	3,5	4,3	0012345678910	0123456789
20	16118052	Hồ Sông	Hậu	DH16CK		10	7	6,5	7	0012345678910	0123456789
21	16118053	Trần Thanh	Hậu	DH16CK		10	8	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
22	15118036	Nguyễn Trọng	Hiếu	DH15CK		9	7,5	6	6,6	0012345678910	0123456789
23	14118026	Nguyễn Đức	Hiếu	DH14CK		8	6,7	2,8	4,1	0012345678910	0123456789
24	14118170	Bùi Quang	Huy	DH14CK		6	4,3	1	2,2	0012345678910	0123456789
25	16118076	Vũ Hoàng	Kim	DH16CK		8	5	2	3,2	0012345678910	0123456789
26	16118081	Trần Hữu	Lâm	DH16CK		5	2,8	1,5	2,1	0012345678910	0123456789
27	14118190	Huỳnh Công	Lân	DH14CK		6	0	1	1,3	0012345678910	0123456789
28	16118085	Trần Vũ	Linh	DH16CK		9	5,5	1,5	3,1	0012345678910	0123456789
29	16118095	Nguyễn Thành	Luyện	DH16CK		9	6,3	4,8	5,5	0012345678910	0123456789
30	16118098	Nguyễn Bình Trí	Mẫn	DH16CK		10	5,8	3,0	4,3	0012345678910	0123456789
31	16118102	Phạm Nhựt	Minh	DH16CK		8	0	1	1,3	0012345678910	0123456789
32	15118068	Phạm Đức	Nam	DH15CK		5	4,2	1	2,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02104

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Máy làm đất(207303)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH16CK_01

Tổ Thi 001_DH16CK_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 17/06/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	15118069	Võ Văn Nam	DH15CK			10	7	2,3	4,0	0012345678910	0123456789
34	15118071	Nguyễn Tấn Nghĩa	DH15CK			8	6,8	4	5,0	0012345678910	0123456789
35	16118104	Đào Xuân Nguyên	DH16CK			9	5	1,8	3,1	0012345678910	0123456789
36	14118207	Nguyễn Lê Nguyên	DH14CK			6	6,2	2	3,2	0012345678910	0123456789
37	13118221	Võ Văn Nguyên	DH13CK			9	4	3,3	4,0	0012345678910	0123456789
38	16118115	Ngô Thanh Phong	DH16CK			10	7,3	8	8,1	0012345678910	0123456789
39	14118050	Nguyễn Thành Phong	DH14CK						0	0012345678910	0123456789
40	14118053	Ngô Tấn Phúc	DH14CK			9	4	5	5,2	0012345678910	0123456789
41	15118081	Trương Văn Phúc	DH15CK			9	7,8	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
42	16118130	Bùi Thanh Sang	DH16CK			9	5,5	1	2,7	0012345678910	0123456789
43	16118136	Trần Văn Sự	DH16CK			10	8,8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
44	16118141	Lưu Văn Tân	DH16CK						0	0012345678910	0123456789
45	16118144	Nguyễn Minh Thắng	DH16CK			10	5,3	4,8	5,4	0012345678910	0123456789
46	14118072	Nguyễn Gia Thuật	DH14CK			10	7,5	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
47	16118154	Lê Xuân Tiến	DH16CK			9	0	2,8	2,8	0012345678910	0123456789
48	15118106	Trần Trung Tín	DH15CK			5	6,8	1,5	2,9	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02104

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Máy làm đất(207303)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH16CK_01

Tổ Thi 001_DH16CK_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 17/06/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	12118095	Dương Công	Trạch	Trạch		9	7,8	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
50	15118114	Lê Đức	Trí	Đức		8	7,4	3,3	4,0	0012345678910	0123456789
51	15118117	Lý Ngọc	Trọng	Trọng		9	8,2	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
52	14118293	Lê Văn	Trúng						0	0012345678910	0123456789
53	14118086	Nguyễn Công	Truyền	Ng		9	7,1	4,0	5,1	0012345678910	0123456789
54	15118121	Lê Quang	Trường	Qu		10	8,6	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
55	16118165	Đinh Văn	Tú	Đv		9	6,5	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
56	15118123	Trần Thanh	Tú	Tr		9	7	2,8	4,2	0012345678910	0123456789
57	14118090	Lê Văn	Tùng						0	0012345678910	0123456789
58	15118131	Dương Quốc	Việt	Việt		9	5,8	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
59	15118133	Đặng Hoàng	Vũ	Đv		9	7,3	3,0	4,5	0012345678910	0123456789
60	14118313	Hoàng Tuấn	Vũ	Đv		9	6,7	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
61	16118179	Nguyễn Minh	Vương	Minh		9	6,8	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
62	14118315	Trần Bá	Vương	Tr		10	3,8	6,5	6,3	0012345678910	0123456789
63	16118180	Võ Quang	Vy	Qu		10	6,5	3,5	4,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02104

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Máy làm đất(207303) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH16CK_01 Tổ Thi 001_DH16CK_01 Tên CBGD Nguyễn Huy Bích
Ngày Thi 17/06/2019 Giờ Thi 14:45 Phòng Thi TV101

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Duy Lam
Nguyễn Hải Đăng

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Phạm Duy Lam



Mã nhận dạng 02112

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Đo lường & TĐ hóa trong TBL(207410)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH16TD_01**

Tổ Thi **001_DH16TD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Dũng**

Ngày Thi **21/06/2019**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV303**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138003	Nguyễn Tiểu Bang	DH16TD			8.0	8.0	5.0	6.5	0012345678910	0123456789
2	16138007	Huỳnh Thái Bảo	DH16TD			8.0	8.0	7.0	7.5	0012345678910	0123456789
3	15137004	Nguyễn Chí Bảo	DH15NL			0	0	0	0	0012345678910	0123456789
4	16137001	Nguyễn Chí Bảo	DH16NL			8.0	9.0	8.5	8.6	0012345678910	0123456789
5	16138004	Lê Kim Bằng	DH16TD			6.0	7.0	5.0	5.8	0012345678910	0123456789
6	16138008	Nguyễn Hoàng Bửu	DH16TD			8.0	7.0	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
7	16138010	Nguyễn Minh Cường	DH16TD			8.0	7.0	3.0	5.2	0012345678910	0123456789
8	16138011	Nguyễn Quang Cường	DH16TD			6.0	7.0	4.5	5.6	0012345678910	0123456789
9	16137016	Nguyễn Hữu Doanh	DH16NL			8.0	8.0	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
10	15137007	Nguyễn Thái Du	DH15NL			0	0	0	0	0012345678910	0123456789
11	16138024	Nguyễn Thanh Dũng	DH16TD			8.0	8.0	5.0	6.5	0012345678910	0123456789
12	16138025	Trần Phúc Dũng	DH16TD			8.0	7.0	4.0	5.7	0012345678910	0123456789
13	16137020	Huỳnh Tấn Duy	DH16NL			8.0	8.0	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
14	16137019	Nguyễn Vũ Hoài Dương	DH16NL			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
15	16138016	Nguyễn Gia Đạt	DH16TD			8.0	7.0	4.5	6.0	0012345678910	0123456789
16	16138019	Lê Trương Công Định	DH16TD			6.0	6.0	2.0	4.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02112

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Đo lường & TĐ hóa trong TBL(207410)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH16TD_01**

Tổ Thi

001_DH16TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Dũng

Ngày Thi **21/06/2019**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15137009	Lê Thành	Được	Duy		7.0	7.0	4.0	5.5	0012345678910	0123456789
18	16138026	Lại Hoàng	Giang	Hoàng		8.0	8.0	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
19	16138027	Lê Hoàng	Giang	Hoàng		7.0	7.0	4.0	5.5	0012345678910	0123456789
20	16138029	Lê Nhựt	Hào	H		8.0	7.0	3.5	5.5	0012345678910	0123456789
21	16138030	Nguyễn Văn	Hào	Nguyễn Văn		8.0	7.0	4.5	6.0	0012345678910	0123456789
22	16138031	Nguyễn Thị Tú	Hào	Tú		7.0	7.0	4.0	5.5	0012345678910	0123456789
23	16138033	Ngô Đăng	Hiệp	Hiệp		8.0	8.0	6.0	7.0	0012345678910	0123456789
24	16137032	Cao Nguyễn Gia Phương	Hoàng	Hoàng		8.0	8.0	7.0	7.5	0012345678910	0123456789
25	16138035	Lý Minh	Hoàng			0	0	0	0	0012345678910	0123456789
26	16137033	Nguyễn Quốc	Học	Quốc		8.0	8.0	6.0	7.0	0012345678910	0123456789
27	16138043	Trần Đức	Huy	Đức		7.0	7.0	5.0	6.0	0012345678910	0123456789
28	15137024	Vũ Quang	Hưng			0	0	0	0	0012345678910	0123456789
29	16137039	Lê Hoàng	Khang	Hoàng		8.0	8.0	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
30	16138048	K'Pă	Krim			6.0	6.0	2.5	4.3	0012345678910	0123456789
31	16138051	Dương Thị Mỹ	Linh	Mỹ		7.0	7.0	5.0	6.0	0012345678910	0123456789
32	16137047	Huỳnh Ngọc	Linh	Ngọc		8.0	8.0	7.0	7.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02112

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Đo lường & TĐ hóa trong TBL(207410)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH16TD_01**

Tổ Thi **001_DH16TD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Dũng**

Ngày Thi **21/06/2019**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV303**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16138056	Nguyễn Mai	DH16TD	<i>Mai</i>		2.0	2.0	4.0	5.5	0012345678910	0123456789
34	16138059	Võ Hoàng Nam	DH16TD	<i>Nam</i>		8.0	2.0	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
35	16138060	Phạm Hoài Nghi	DH16TD	<i>Nghi</i>		8.0	8.0	6.0	2.0	0012345678910	0123456789
36	16138062	Nguyễn Đình Trực	DH16TD	<i>Truc</i>		2.0	2.0	1.0	4.0	0012345678910	0123456789
37	16137054	Nguyễn Thanh Nhân	DH16NL	<i>Nhan</i>		8.0	8.0	2.0	2.8	0012345678910	0123456789
38	15138045	Bùi Minh Nhật	DH15TD			0	0	0	0	0012345678910	0123456789
39	15137039	Lê Nam Phong	DH15NL	<i>Nam</i>		2.0	6.0	2.0	4.2	0012345678910	0123456789
40	15137041	Trần Duy Phong	DH15NL			0	0	0	0	0012345678910	0123456789
41	16137061	Cao Minh Phúc	DH16NL	<i>Phu</i>		8.0	8.0	8.0	8.0	0012345678910	0123456789
42	16138067	Trần Văn Phương	DH16TD	<i>Phu</i>		8.0	2.0	3.5	5.5	0012345678910	0123456789
43	16138069	Nguyễn Minh Quang	DH16TD	<i>Quang</i>		8.0	2.0	3.0	5.2	0012345678910	0123456789
44	15137043	Nguyễn Văn Sang	DH15NL			0	0	0	0	0012345678910	0123456789
45	16138071	Trần Phước Sang	DH16TD	<i>Sang</i>		6.0	6.0	2.5	4.3	0012345678910	0123456789
46	16137069	Đặng Chí Tâm	DH16NL	<i>Tam</i>		8.0	8.0	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
47	16138073	Nguyễn Ngọc Tâm	DH16TD	<i>Tam</i>		8.0	2.0	5.0	6.2	0012345678910	0123456789
48	15138058	Lê Quốc Thái	DH15TD			2.0	6.0	0.0	3.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02112

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Đo lường & TĐ hóa trong TBL(207410)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH16TD_01**

Tổ Thi **001_DH16TD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Dũng**

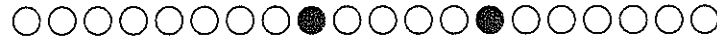
Ngày Thi **21/06/2019**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV303**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	16138077	Đỗ Hữu Thành	DH16TD			8.0	7.0	4.0	5.7	0012345678910	0123456789
50	16138075	Nguyễn Sơn	DH16TD			7.0	7.0	3.5	5.3	0012345678910	0123456789
51	16138079	Lê	DH16TD			8.0	7.0	3.0	5.2	0012345678910	0123456789
52	16137076	Lê Hải	DH16NL			8.0	8.0	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
53	15138066	Nguyễn Minh	DH15TD			8.0	7.0	0.0	3.7	0012345678910	0123456789
54	16138081	Đặng Anh	DH16TD			6.0	6.0	5.0	5.5	0012345678910	0123456789
55	16137081	Võ Ngọc	DH16NL			8.0	7.0	4.0	5.7	0012345678910	0123456789
56	16137082	Dương Anh	DH16NL			8.0	8.0	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
57	16138083	Trần Nguyễn Quốc	DH16TD			7.0	7.0	5.0	6.0	0012345678910	0123456789
58	16137085	Phan Thanh	DH16NL			7.0	7.0	8.0	7.5	0012345678910	0123456789
59	16137093	Lê Văn	DH16NL			6.0	6.0	3.5	4.8	0012345678910	0123456789
60	16137095	Nguyễn Văn	DH16NL			8.0	8.0	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
61	16137096	Phạm Anh	DH16NL			8.0	7.0	4.5	6.0	0012345678910	0123456789
62	16137097	Trần Quốc	DH16NL			8.0	8.0	8.0	8.0	0012345678910	0123456789
63	16138093	Trần Quốc	DH16TD			7.0	7.0	2.5	4.8	0012345678910	0123456789
64	16137105	Nguyễn Hữu Anh	DH16NL			7.0	7.0	5.5	6.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02112

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Đo lường & TĐ hóa trong TBL(207410) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH16TD_01 Tổ Thi 001_DH16TD_01 Tên CBGD Nguyễn Thanh Dũng
Ngày Thi 21/06/2019 Giờ Thi 07:30 Phòng Thi TV303

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi ..55 Số sinh viên vắng ..09

Ngày 21 Tháng 06 Năm 2019

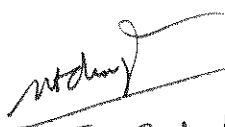
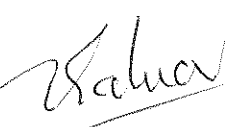
Cán bộ coi thi 1

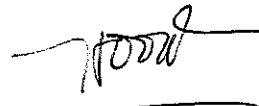
Cán bộ coi thi 2

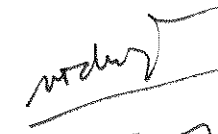
Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Nguyễn Thanh Dũng

Lê Văn Tuấn


N.T. Hào


Nguyễn Thanh Dũng

Ngày in : 13/05/2019

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207528) - 01

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	15138002	Bùi Thị Vân Anh	DH15TD						9.0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
2	15138003	Đặng Hoàng Anh	DH15TD						8.2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
3	15138004	Trần Hải Bảo	DH15TD						7.8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○
4	15138006	Nguyễn Văn Bình	DH15TD						8.4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
5	15138007	Trương Thành Cua	DH15TD						7.8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○
6	15138017	Hồ Thanh Dương	DH15TD						8.9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●
7	15138011	Quách Tiến Đạt	DH15TD						8.6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○
8	15138009	Huỳnh Tuấn Đặng	DH15TD						8.5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
9	15138014	Trương Công Định	DH15TD						8.7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○
10	15138021	Phạm Thị Thúy Hằng	DH15TD						8.7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○
11	15138032	Nguyễn Văn Khế	DH15TD						8.9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●
12	15138033	Lê Võ Trung Kiên	DH15TD						8.5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
13	15138046	Lê Minh Nhật	DH15TD						8.5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
14	15138048	Phạm Thanh Phong	DH15TD						8.8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○
15	15138061	Phan Thị Mạnh Thắng	DH15TD						8.5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
16	15138063	Trần Duy Thiệu	DH15TD						8.4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 16

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 26/04/2019 08:38

Trương Công Tiến

Trương Công Tiến

Nguyễn Ngọc Thảo

Lê Văn Ban



Mã nhận dạng 02125

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Biến đổi năng lượng điện cơ(207531)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_01**

Tổ Thi **001_DH17TD_01**

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Ngày Thi **13/06/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17138002	Trần Thanh Bình	DH17TD			10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
2	17138005	Mai Hùng Cường	DH17TD			9	7	7	7,2	0012345678910	0123456789
3	17138006	Nguyễn. Mạnh Cường	DH17TD			10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
4	15138019	Nguyễn Vũ Hoàng Duy	DH15TD			9	7	4	5,4	0012345678910	0123456789
5	17138012	Phạm Hải Dương	DH17TD			10	10	6,5	7,9	0012345678910	0123456789
6	17138007	Trần Quang Đại	DH17TD			10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
7	17138008	Nguyễn Hữu Đan	DH17TD			8,5	7	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
8	17138009	Huỳnh Minh Định	DH17TD			8	7	7	7,1	0012345678910	0123456789
9	17138014	Ngô Quốc Gia	DH17TD			10	9	8	8,5	0012345678910	0123456789
10	17138015	Lưu Thanh Hiền	DH17TD			10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
11	17138016	Hồ Hiền	DH17TD			10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
12	17138019	Trần Minh Hiếu	DH17TD			10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
13	17138020	Trịnh Minh Hiếu	DH17TD			10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
14	15138074	Phạm Lê Thanh Hòa	DH15TD			8	7	4	5,3	0012345678910	0123456789
15	17138021	Nguyễn Đình Hồ	DH17TD			10	8	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
16	17138022	Trần Minh Huân	DH17TD			9	7	2	4,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02125

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Biến đổi năng lượng điện cơ(207531)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_01**

Tổ Thi **001_DH17TD_01**

Tên CBGD

Trương Công Tiễn

Ngày Thi **13/06/2019**

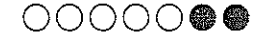
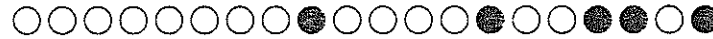
Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

HD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17138023	Bùi Quang Khải	DH17TD			10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
18	17138024	Phạm Ngọc Khải	DH17TD			10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
19	17138025	Nguyễn Văn Khánh	DH17TD			10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
20	15138032	Nguyễn Văn Khế	DH15TD			9	7	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
21	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD			9	7	2	4,2	0012345678910	0123456789
22	17138028	Nguyễn Vũ Minh Khôi	DH17TD			10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
23	17138029	Nguyễn Văn Linh	DH17TD			10	8	6	7	0012345678910	0123456789
24	17138030	Phan Nguyễn Hoàng Long	DH17TD			10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
25	15138041	Trương Đức Minh	DH15TD			8	7	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
26	17138033	Lê Nguyễn Hoài Nam	DH17TD			10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
27	16138058	Phạm Đặng Hoài Nam	DH16TD			9	7	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
28	17138034	Tạ Đình Nam	DH17TD			10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
29	17138035	Dương Hoàng Nguyên	DH17TD			10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
30	17138036	Huỳnh Kim Ninh	DH17TD			10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
31	17138037	Bùi Trung Pháp	DH17TD			10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
32	17138038	Trần Huy Phát	DH17TD			10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02125

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Biến đổi năng lượng điện cơ(207531)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_01**

Tổ Thi **001_DH17TD_01**

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **13/06/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

HD301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17138039	Lê Quang	PHiếu			9	7	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
34	17138043	Nguyễn Trọng	Quang			10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
35	17138042	Nguyễn Trung	Quân			10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
36	15138049	Nguyễn Hoàng	Quân							0012345678910	0123456789
37	17138046	Trần Trung	Tâm			10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
38	17138049	Võ Văn	Thành			10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
39	17138051	Lưu Thị Ánh	Thu			9,5	7	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
40	17138052	Phạm Hoài	Thu			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
41	17138053	Lê Hữu	Thuận			10	8	2	4,6	0012345678910	0123456789
42	17138054	Nguyễn Ngọc Minh	Thuận			10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
43	17138055	Huỳnh Quang	Tiến			10	9	10	9,7	0012345678910	0123456789
44	17138056	Nguyễn Nhật	Tiến			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
45	17138057	Đào Bá Khánh	Trình			10	8	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
46	17138058	Nguyễn Đình	Trọng			9	8	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
47	17138059	Nguyễn Chí	Trung			10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
48	17138060	Trương Tuấn	Tú			10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02125

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Biến đổi năng lượng điện cơ(207531)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_01**

Tổ Thi **001_DH17TD_01**

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Ngày Thi **13/06/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	13138023	Trần Văn Vượng	DH15TD			8	7	4	5,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 44. Số sinh viên vắng ...1..

Ngày 24 Tháng 7 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Minh Hien

Trương Công Tiến

Trương Công Tiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 02

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153005	Lê Hoàng Bảo	DH17CD		1	10	3	4	4.0	○○○12345678910	○123456789
2	17153006	Nguyễn Tuấn Bảo	DH17CD		1					●○○12345678910	○123456789
3	17153003	Bùi Đình Bắc	DH17CD		2	10	6	3	4.0	○○○12345678910	○123456789
4	15153004	Nguyễn Phan Hải Vư	DH15CD		1	8	3.5	2	2.7	○○○12345678910	○123456789
5	15137005	Nguyễn Đức ...	DH15NL							●○○12345678910	○123456789
6	17153010	Vương Quốc Việt	DH17CD		2	8	3	9	6.8	○○○12345678910	○123456789
7	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD							●○○12345678910	○123456789
8	16153008	Nguyễn Thanh Danh	DH16CD		1	10	7.5	2.5	4.0	○○○12345678910	○123456789
9	17153022	Đào Phụng Duy	DH17CD		1	10	3.5	2.5	3.2	○○○12345678910	○123456789
10	17153020	Đặng Quang Duy	DH17CD							●○○12345678910	○123456789
11	17153023	Nguyễn Hùng Duy	DH17CD		2	10	3	2	2.8	○○○12345678910	○123456789
12	15153014	Nguyễn Phương Duyệt	DH15CD		02	6	3	2	2.4	○○○12345678910	○123456789
13	15138013	Phạm Thành Đạt	DH15TD		02	8	4	1	2.2	○○○12345678910	○123456789
14	17153013	Hà Công Định	DH17CD		1	10	3.5	2.5	3.2	○○○12345678910	○123456789
15	17153014	Bùi Phú Đức	DH17CD		1	8	8.5	2.5	4	○○○12345678910	○123456789
16	17153026	Nguyễn Trường Hân	DH17CD		2	10	6.5	3.5	4.4	○○○12345678910	○123456789
17	16153026	Cao Đình Hiếu	DH16CD		1	10	5.5	9	7.5	○○○12345678910	○123456789
18	17153030	Bùi Văn Hoàng	DH17CD		2	10	5.5	5.5	5.4	○○○12345678910	○123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 02

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
19	16138035	Lý Minh Hoàng	DH16TD							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	17153032	Lê Nguyễn Huy	DH17CD	<i>Lê Huy</i>	1	8	6	4.5	4.7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	17153033	Trần Quang Huy	DH17CD	<i>Trần Huy</i>	2	10	5	7	6.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	15138029	Đào Hữu Huỳnh	DH15TD							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	17153035	Dương Quốc Khánh	DH17CD	<i>Dương Khánh</i>	01	8	4.5	4	4.7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	17153037	Ngô Tín Khoa	DH17CD	<i>Ngô Tín</i>	02	10	5.5	6	5.9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	17153039	Bùi Tuấn Kiên	DH17CD	<i>Bùi Kiên</i>	1	8	5.5	4	4.3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	13118022	Trần Anh Kiệt	DH13CC							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	17153042	Nguyễn Quang Linh	DH17CD	<i>Nguyễn Linh</i>	2	10	4.5	2	3.1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	17153043	Lâm Vũ Long	DH17CD	<i>Lâm Vũ</i>	01	10	5.5	4	4.5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	18153045	Võ Hoàng Luân	DH18CD							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	13153152	Đặng Hoàng Nam	DH13CD	<i>Đặng Nam</i>	02	10	6	2	3.4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD	<i>Nguyễn Nam</i>	01	8	2	1.5	1.9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD	<i>Võ Thành</i>	02	10	6	3.5	4.3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD	<i>Dương Ninh</i>	01	10	4.5	2.5	3.4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	17153055	Trương Hoàng Phong	DH17CD	<i>Trương Phong</i>	02	10	6	3	4.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	17153057	Nguyễn Đức Phúc	DH17CD	<i>Nguyễn Phúc</i>	1	10	3.5	1.5	2.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	17153058	Nguyễn Hồng Phúc	DH17CD	<i>Nguyễn Phúc</i>	02	10	4.5	1.5	2.8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 02

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	16138067	Trần Văn Phương	DH16TD	<i>[Signature]</i>	1	8	2.5	4.5	4.0	○○○12345678910	0123456789
38	17454005	Hồ Vũ Quát	LT17OT	<i>[Signature]</i>	2	8	4.5	4	4.1	○○○12345678910	0123456789
39	15138054	Trang Minh Sáng	DH15TD	<i>[Signature]</i>	1	10	4	1.5	2.7	○○○12345678910	0123456789
40	15153057	Đỗ Thành Tâm	DH15CD	<i>[Signature]</i>	1	10	3	6	5.2	○○○12345678910	0123456789
41	17153065	Phan Trọng Thái	DH17CD	<i>[Signature]</i>	2	10	5	4.5	4.7	○○○12345678910	0123456789
42	16153082	Tô Thanh	DH16CD	<i>[Signature]</i>	1	10	5	2.5	3.5	○○○12345678910	0123456789
43	15138065	Nguyễn Tấn Thịnh	DH15TD	<i>[Signature]</i>	2	6	6.5	3.5	4.0	○○○12345678910	0123456789
44	17153068	Phan Anh Thơ	DH17CD	<i>[Signature]</i>	1	10	4.5	2	3.1	○○○12345678910	0123456789
45	17118112	Lý Thanh Thuận	DH17CK	<i>[Signature]</i>	2	10	4	9	7.6	○○○12345678910	0123456789
46	15153064	Nguyễn Hiếu Thuận	DH15CD							○○○12345678910	0123456789
47	17153070	Nguyễn Trọng Tiến	DH17CD	<i>[Signature]</i>	1	10	5.5	6	5.7	○○○12345678910	0123456789
48	17153071	Trần Đức Tín	DH17CD	<i>[Signature]</i>	2	10	4.5	2	3.1	○○○12345678910	0123456789
49	15153068	Nguyễn Huy Toàn	DH15CD	<i>[Signature]</i>	1	10	2	2.5	2.9	○○○12345678910	0123456789
50	17153075	Lê Quốc Trọng	DH17CD	<i>[Signature]</i>	01	10	5.5	6	5.7	○○○12345678910	0123456789
51	15137064	Đỗ Bảo Trọng	DH15NL							○○○12345678910	0123456789
52	17153077	Phan Bảo Trọng	DH17CD	<i>[Signature]</i>	02	8	4.0	4	4.0	○○○12345678910	0123456789
53	15153071	Hồ Thái Trung	DH15CD							○○○12345678910	0123456789
54	16137098	Vũ Trần Đăng Tuấn	DH16NL	<i>[Signature]</i>	01	10	6	4.5	4.9	○○○12345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01800

Trang 4/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 02

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
55	14153143	Nguyễn Thanh Tùng	DH14CD		2	10	3	5	4.6	0012345678910	0123456789
56	16153110	Nguyễn Đình Tuấn	DH16CD		1	10	6.5	9	7.7	0012345678910	0123456789
57	17153080	Hoàng Thanh Vương	DH17CD		2	10	3	2.5	3.1	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

...Cán bộ coi thi 2

...Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Đăng Khoa

Trương Công Tiến

Nguyễn Đăng Khoa



Mã nhận dạng 02136

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH16CD_01

Tổ Thi 001_DH16CD_01

Tên CBGD Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 17/06/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15138001	Trương Văn An	DH15TD	An		8	3	2	2.9	0012345678910	0123456789
2	16153001	Phạm Hoàn Ân	DH16CD	An		10	7	5.5	6.4	0012345678910	0123456789
3	16138004	Lê Kim Bằng	DH16TD	Bằng		8	6	6	6.2	0012345678910	0123456789
4	16153004	Dư Tiến Công	DH16CD	Con		8	9	6	7.1	0012345678910	0123456789
5	16153005	Vô Thái Cường	DH16CD	Công		10	5	3	4.3	0012345678910	0123456789
6	16138011	Nguyễn Quang Cường	DH16TD	Công		8	5	4	4.7	0012345678910	0123456789
7	15153007	Lê Công Danh	DH15CD	Danh		0	3	2	2.1	0012345678910	0123456789
8	16153008	Nguyễn Thanh Danh	DH16CD	Danh		8	7	4.5	5.6	0012345678910	0123456789
9	16153016	Đặng Quốc Duy	DH16CD	Duy		8	8	5	6.2	0012345678910	0123456789
10	16153017	Đoàn Văn Duy	DH16CD	Duy		8	6	3	4.4	0012345678910	0123456789
11	15153014	Nguyễn Phương Duyệt	DH15CD	Duyệt		8	6.5	2	4.0	0012345678910	0123456789
12	16153014	Lê Văn Dự	DH16CD	Dự		10	9	4	6.1	0012345678910	0123456789
13	16138019	Lê Trương Công Định	DH16TD	Định		8	7	4	5.3	0012345678910	0123456789
14	14138008	Lê Văn Đồng	DH14TD	Đồng		8	7	5	5.9	0012345678910	0123456789
15	16138026	Lại Hoàng Giang	DH16TD	Giang		10	6	5	5.8	0012345678910	0123456789
16	15153015	Lê Cảnh Trường Giang	DH15CD	Giang						0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02136

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH16CD_01

Tổ Thi 001_DH16CD_01

Tên CBGD Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 17/06/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16138029	Lê Nhựt	Hào	DH16TD		10	7	3	4.9	0012345678910	0123456789
18	16153025	Lê Hoà	Hiệp	DH16CD		10	7	3.5	5.2	0012345678910	0123456789
19	16153026	Cao Đình	Hiếu	DH16CD		10	7	3.5	5.2	0012345678910	0123456789
20	16153034	Nguyễn Mạnh	Hùng	DH16CD						0012345678910	0123456789
21	16138039	Phạm Văn	Hùng	DH16TD		6	7	4	5.1	0012345678910	0123456789
22	16138043	Trần Đức	Huy	DH17TD		8	5	4	4.7	0012345678910	0123456789
23	16153039	Đặng	Huynh	DH16CD		8	7	3.5	5.0	0012345678910	0123456789
24	15138030	Nguyễn Duy	Kha	DH15TD		6	5	1	2.7	0012345678910	0123456789
25	16153041	Phạm Quốc	Khải	DH16CD		10	10	4	6.4	0012345678910	0123456789
26	16138048	K'Pă	Krim	DH16TD		6	4	1	2.4	0012345678910	0123456789
27	16153048	Huỳnh Phúc	Linh	DH16CD		10	10	5	7.0	0012345678910	0123456789
28	16153052	Nguyễn Thanh	Luân	DH16CD		6	7	6.5	6.6	0012345678910	0123456789
29	16153056	Đặng Toàn	Mỹ	DH16CD		10	9	2	4.9	0012345678910	0123456789
30	16153060	Lê Nguyên	Ngọc	DH16CD		8	10	7	8.0	0012345678910	0123456789
31	15138045	Bùi Minh	Nhật	DH15TD		6	3	3	3.3	0012345678910	0123456789
32	16153063	Nguyễn Hoài	Phong	DH16CD		10	10	8	8.8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02136

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH16CD_01

Tổ Thi 001_DH16CD_01

Tên CBGD Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 17/06/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16138069	Nguyễn Minh Quang	DH16TD	<i>Quang</i>		8	7	4.5	5.6	0012345678910	0123456789
34	15138051	Trần Minh Quang	DH15TD	<i>Trần</i>		0	6	2	3.0	0012345678910	0123456789
35	16153067	Hoàng Lê Minh Quân	DH16CD	<i>Quân</i>		10	5	2	3.7	0012345678910	0123456789
36	15138049	Nguyễn Hoàng Quân	DH15TD							0012345678910	0123456789
37	16153068	Lê Quốc Qui	DH16CD	<i>Qui</i>		10	9	5.5	7.0	0012345678910	0123456789
38	16138071	Trần Phước Sang	DH16TD	<i>Sang</i>		8	7	4	5.3	0012345678910	0123456789
39	15138054	Trang Minh Sáng	DH15TD	<i>Sáng</i>		10	5	0.5	2.8	0012345678910	0123456789
40	16153072	Đỗ Tam Tài	DH16CD	<i>Tài</i>		10	9	5	6.7	0012345678910	0123456789
41	16138073	Nguyễn Ngọc Tâm	DH16TD	<i>Tâm</i>		10	6	4.5	5.5	0012345678910	0123456789
42	16153076	Nguyễn Quốc Tâm	DH16CD	<i>Tâm</i>		10	9	3	5.5	0012345678910	0123456789
43	16153080	Phạm Đình Thái	DH16CD	<i>Thái</i>		6	10	5.5	6.9	0012345678910	0123456789
44	16153082	Tô Thanh	DH16CD	<i>Thanh</i>		10	9	5.5	7.0	0012345678910	0123456789
45	16153083	Võ Trí Thanh	DH16CD	<i>Thanh</i>		10	8	8	8.5	0012345678910	0123456789
46	16153085	Huỳnh Công Thành	DH16CD	<i>Thành</i>		10	7	1.5	4.0	0012345678910	0123456789
47	16153081	Lê Văn Thắng	DH16CD	<i>Thắng</i>		10	6	4	5.2	0012345678910	0123456789
48	16138075	Nguyễn Sơn Thắng	DH16TD	<i>Thắng</i>		10	7	2.5	4.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02136

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH16CD_01

Tổ Thi 001_DH16CD_01

Tên CBGD Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 17/06/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	14153050	Nguyễn Phú Thịnh	DH14CD			0	5	2	2.7	0012345678910	0123456789
50	15138066	Nguyễn Minh Thoại	DH15TD			8	6	1	3.2	0012345678910	0123456789
51	15138067	Nguyễn Đình Thông	DH15TD			5	6.5	2.5	4.0	0012345678910	0123456789
52	13153024	Lê Văn Thuận	DH13CD							0012345678910	0123456789
53	16153091	Phạm Thị Cát Tiên	DH16CD			10	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
54	16138083	Trần Nguyễn Quốc Tiến	DH16TD			8	5	4	4.7	0012345678910	0123456789
55	16153093	Nguyễn Lê Tinh	DH16CD			10	9	4	6.1	0012345678910	0123456789
56	16153094	Nguyễn Vũ Tinh	DH16CD			8	7	3.5	5.0	0012345678910	0123456789
57	16118162	Ngô Khắc Triệu	DH16TD			10	5	5	5.5	0012345678910	0123456789
58	16153096	Huỳnh Văn Trọng	DH16CD			8	9	5	6.5	0012345678910	0123456789
59	13153246	Từ Sỹ Trung	DH13CD							0012345678910	0123456789
60	16153100	Lê Anh Tuấn	DH16CD			10	10	3	5.8	0012345678910	0123456789
61	16153102	Nguyễn Minh Tuấn	DH16CD			10	10	4	6.4	0012345678910	0123456789
62	14153058	Nguyễn Văn Tuấn	DH14CD			8	3	4	4.1	0012345678910	0123456789
63	16153107	Lâm Văn Vinh	DH16CD			5	6	1.5	3.2	0012345678910	0123456789
64	16153108	Huỳnh Tấn Vũ	DH16CD			8	7	3	4.7	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02136

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH16CD_01

Tổ Thi

001_DH16CD_01

Tên CBGD

Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 17/06/2019

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD303

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	16153109	Lê Văn Vũ	DH16CD			10	8	3	5.2	0012345678910	0123456789
66	16153110	Nguyễn Đình Tuấn	DH16CD			8	7	45	5.6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 64. Số sinh viên vắng 05

Ngày 25 Tháng 07 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Ngọc Thành

Nguyễn Văn Ngọc Thành

Trương Công Tiến

Nguyễn Đăng Khoa



Mã nhận dạng 02137

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH16TD_02

Tổ Thi

001_DH16TD_02

Tên CBGD

Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 17/06/2019

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138001	Cáp Ngọc An	DH16TD			10	4	3	4.0	0012345678910	0123456789
2	16138003	Nguyễn Tiểu Bang	DH16TD			10	5	4	4.9	0012345678910	0123456789
3	16138007	Huỳnh Thái Bảo	DH16TD			8	9	5.5	6.8	0012345678910	0123456789
4	15153004	Nguyễn Phan Hải Vư	DH15CD			6	3	3	3.3	0012345678910	0123456789
5	13153042	Tạ Văn Bình	DH13CD			0	0	3.5	2.1	0012345678910	0123456789
6	16138008	Nguyễn Hoàng Bửu	DH16TD			10	8	3	5.2	0012345678910	0123456789
7	16138010	Nguyễn Minh Cường	DH16TD			10	8	4	5.8	0012345678910	0123456789
8	16138013	Nguyễn Tấn Danh	DH16TD			8	3.5	3.5	4.0	0012345678910	0123456789
9	16138023	Nguyễn Minh Dũng	DH16TD			8	4	6	5.6	0012345678910	0123456789
10	16138024	Nguyễn Thanh Dũng	DH16TD			10	8	4	5.8	0012345678910	0123456789
11	16138025	Trần Phúc Dũng	DH16TD			10	8	3.5	5.5	0012345678910	0123456789
12	14153010	Trần Vũ Anh Duy	DH14CD			0	0	2	1.2	0012345678910	0123456789
13	16138016	Nguyễn Gia Đạt	DH16TD			8	3	5.5	5.0	0012345678910	0123456789
14	15138012	Nguyễn Hữu Đạt	DH15TD			0	3	2	2.1	0012345678910	0123456789
15	13153004	Trương Nguyễn Tiến Đạt	DH13CD			10	3	2	3.1	0012345678910	0123456789
16	16138017	Vũ Văn Đạt	DH16TD			8	4.5	3	4.0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02137

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH16TD_02

Tổ Thi

001_DH16TD_02

Tên CBGD

Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 17/06/2019

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15153006	Phan Hữu	Đăng			8	3.5	3.5	4.0	0012345678910	0123456789
18	15153011	Ngô Phú	Đô			0	8	3.5	4.5	0012345678910	0123456789
19	16138021	Nguyễn Chí	Đức			8	4.5	3	4.0	0012345678910	0123456789
20	16138027	Lê Hoàng	Giang			6	4.5	3.5	4.1	0012345678910	0123456789
21	16153021	Nguyễn Nhật	Hải			6	3	2.5	3.0	0012345678910	0123456789
22	15153017	Trịnh Văn	Hải			0	5	2.5	3.0	0012345678910	0123456789
23	16138030	Nguyễn Văn	Hào			10	8	7	7.6	0012345678910	0123456789
24	16138031	Nguyễn Thị Tú	Hào			8	8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
25	16138033	Ngô Đăng	Hiệp			10	4	5	5.2	0012345678910	0123456789
26	16153027	Hán Tấn	Hiếu			10	3	2	3.1	0012345678910	0123456789
27	16138035	Lý Minh	Hoàng							0012345678910	0123456789
28	15138029	Đào Hữu	Huỳnh			0	3	2	2.1	0012345678910	0123456789
29	16138051	Dương Thị Mỹ	Linh			8	8	3	5.0	0012345678910	0123456789
30	15153032	Huỳnh Tấn	Lợi			8	8	3	5.0	0012345678910	0123456789
31	16138056	Nguyễn	Mai			10	8	5	6.4	0012345678910	0123456789
32	13153014	Trịnh Đình	Minh			5	3.5	4	4.0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02137

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH16TD_02

Tổ Thi

001_DH16TD_02

Tên CBGD

Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 17/06/2019

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	14153032	Nguyễn Thanh Nam	DH14CD	Nam		6	4	2	3.0	0012345678910	0123456789
34	16138058	Phạm Đặng Hoài	DH16TD	H		10	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
35	16138059	Võ Hoàng	DH16TD	Hoang		8	3	4	4.1	0012345678910	0123456789
36	16138060	Phạm Hoài	DH16TD	Hoai		10	4	3	4.0	0012345678910	0123456789
37	15153043	Nguyễn Văn Sơn	DH15CD	Son		0	8	4	4.8	0012345678910	0123456789
38	14153038	Lưu Thế	DH14CD	The		8	3	2	2.9	0012345678910	0123456789
39	16138062	Nguyễn Đình Trục	DH16TD	Truc		8	0	1	1.4	0012345678910	0123456789
40	14138021	Trần Duy	DH14TD	Duy		6	3	4.5	4.2	0012345678910	0123456789
41	16138067	Trần Văn	DH16TD	Van		8	8	2.5	4.7	0012345678910	0123456789
42	14153125	Lưu Đức	DH14CD	Duc		10	3	1	2.5	0012345678910	0123456789
43	16138076	Trần Đình	DH16TD	Dinh		8	3	3	3.5	0012345678910	0123456789
44	16138077	Đỗ Hữu	DH16TD	Huu		8	3	3	3.5	0012345678910	0123456789
45	16138079	Lê	DH16TD	Le		6	3	3	3.3	0012345678910	0123456789
46	16138081	Đặng Anh	DH16TD	Anh		10	3	4	4.3	0012345678910	0123456789
47	15153068	Nguyễn Huy	DH15CD	Huy		10	4	4	4.6	0012345678910	0123456789
48	15138071	Nguyễn Đình	DH15TD	Dinh		0	4.5	4.5	4.1	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02137

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH16TD_02

Tổ Thi 001_DH16TD_02

Tên CBGD Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 17/06/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	16153104	Trần Xuân Viên	DH16CD			8	5	4.5	5.0	0012345678910	0123456789
50	16138093	Trần Quốc Việt	DH16TD			8	8	2	4.4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 1. Số sinh viên vắng 1.

Ngày 25 Tháng 07 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

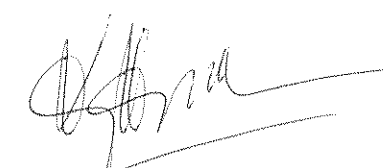
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Đào Duy Vinh


Cao Đức Lợi


Trương Công Tiến


Nguyễn Đăng Khoa



Mã nhận dạng 01807

Trang 1/6

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Kiến tập cơ sở 2 (207633) - 01

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153002	Nguyễn Ngọc Trúc Anh	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
2	16153002	Vũ Phan Anh	DH16CD						8.7	0012345678910	0123456789
3	17153001	Phạm Hiệp Ân	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
4	16153001	Phạm Hoàn Ân	DH16CD						8.7	0012345678910	0123456789
5	17153004	Hồ Thái Bảo	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
6	17153005	Lê Hoàng Bảo	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
7	17153006	Nguyễn Tuấn Bảo	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
8	17153003	Bùi Đình Bắc	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
9	17153010	Vương Quốc Việt Chí	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
10	16153004	Dư Tiên Công	DH16CD						8.7	0012345678910	0123456789
11	16153005	Võ Thái Công	DH16CD						8.7	0012345678910	0123456789
12	16153008	Nguyễn Thanh Danh	DH16CD						8.5	0012345678910	0123456789
13	17153017	Nguyễn Hồng Dung	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
14	17153022	Đào Phụng Duy	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
15	17153020	Đặng Quang Duy	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
16	16153016	Đặng Quốc Duy	DH16CD						8.7	0012345678910	0123456789
17	17153021	Đặng Thế Duy	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
18	17153023	Nguyễn Hùng Duy	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01807

Trang 2/6

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Kiến tập cơ sở 2 (207633) - 01

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	16153014	Lê Văn Dự	DH16CD	<i>[Signature]</i>				8.7		0012345678910	0123456789
20	17153019	Nguyễn Hoàng Dương	DH17CD	<i>[Signature]</i>				8.7		0012345678910	0123456789
21	17153012	Dương Tấn Đạt	DH17CD	<i>[Signature]</i>				8.7		0012345678910	0123456789
22	17153013	Hà Công Định	DH17CD	<i>[Signature]</i>				8.7		0012345678910	0123456789
23	17153014	Bùi Phú Đức	DH17CD	<i>[Signature]</i>				8.7		0012345678910	0123456789
24	17153016	Nguyễn Trung Đức	DH17CD	<i>[Signature]</i>				8.7		0012345678910	0123456789
25	17153024	Đặng Minh Hải	DH17CD	<i>[Signature]</i>				8.7		0012345678910	0123456789
26	16153021	Nguyễn Nhật Hải	DH16CD	<i>[Signature]</i>				8.7		0012345678910	0123456789
27	17153025	Trần Sơn Hải	DH17CD	<i>[Signature]</i>				8.7		0012345678910	0123456789
28	17153026	Nguyễn Trường Hân	DH17CD	<i>[Signature]</i>				8.7		0012345678910	0123456789
29	17153027	Lê Trung Hậu	DH17CD	<i>[Signature]</i>				8.7		0012345678910	0123456789
30	16153025	Lê Hoà Hiệp	DH16CD	<i>[Signature]</i>				8.7		0012345678910	0123456789
31	16153026	Cao Đình Hiếu	DH16CD	<i>[Signature]</i>				8.7		0012345678910	0123456789
32	17153028	Nguyễn Thành Hiếu	DH17CD	<i>[Signature]</i>				8.5		0012345678910	0123456789
33	17153030	Bùi Văn Hoàng	DH17CD	<i>[Signature]</i>				8.5		0012345678910	0123456789
34	17153032	Lê Nguyễn Huy	DH17CD	<i>[Signature]</i>				8.7		0012345678910	0123456789
35	17153033	Trần Quang Huy	DH17CD	<i>[Signature]</i>				8.7		0012345678910	0123456789
36	16153039	Đặng Huynh	DH16CD	<i>[Signature]</i>				8.5		0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01807

Trang 3/6

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Kiến tập cơ sở 2 (207633) - 01

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	16153041	Phạm Quốc Khải	DH16CD	Khải					8.7	0012345678910	0123456789
38	17153034	Lê Văn Khanh	DH17CD	Khanh					8.7	0012345678910	0123456789
39	17153035	Dương Quốc Khánh	DH17CD	Khánh					8.7	0012345678910	0123456789
40	17153036	Đào Lưu Đăng Khoa	DH17CD						Vanh	0012345678910	0123456789
41	17153037	Ngô Tín Khoa	DH17CD	Khoa					8.9	0012345678910	0123456789
42	17153038	Nguyễn Tiến Khoa	DH17CD	Khoa					8.7	0012345678910	0123456789
43	17153039	Bùi Tuấn Kiên	DH17CD	Kiên					8.5	0012345678910	0123456789
44	17153040	Đặng Ngọc Lâm	DH17CD	Lam					8.7	0012345678910	0123456789
45	17153041	Lương Chí Lập	DH17CD	Lap					8.7	0012345678910	0123456789
46	17153042	Nguyễn Quang Linh	DH17CD	Linh					8.5	0012345678910	0123456789
47	16153048	Huỳnh Phúc Linh	DH16CD	Linh					8.7	0012345678910	0123456789
48	17153043	Lâm Vũ Long	DH17CD	Long					8.7	0012345678910	0123456789
49	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD	Nam					8.7	0012345678910	0123456789
50	17153046	Ngô Thiên Nghĩa	DH17CD	Nghia					8.5	0012345678910	0123456789
51	17153047	Nguyễn Trung Nghĩa	DH17CD	Nghia					8.7	0012345678910	0123456789
52	16153060	Lê Nguyên Ngọc	DH16CD	Ngoc					8.7	0012345678910	0123456789
53	17153048	Lê Khánh Nguyên	DH17CD	Nguyen					8.7	0012345678910	0123456789
54	17153049	Hoàng Đình Nhân	DH17CD	Nhan					8.7	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Kiến tập cơ sở 2 (207633) - 01

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
55	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
56	17153053	Đoàn Trần Minh Nhựt	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
57	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
58	16153063	Nguyễn Hoài Phong	DH16CD						8.7	0012345678910	0123456789
59	17153055	Trương Hoàng Phong	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
60	17153057	Nguyễn Đức Phúc	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
61	17153058	Nguyễn Hồng Phúc	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
62	16153067	Hoàng Lê Minh Quân	DH16CD						8.7	0012345678910	0123456789
63	16153068	Lê Quốc Qui	DH16CD						8.7	0012345678910	0123456789
64	17153059	Nguyễn Thanh Sơn	DH17CD						8.5	0012345678910	0123456789
65	17153060	Đoàn Hữu Tài	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
66	16153072	Đỗ Tam Tài	DH16CD						8.7	0012345678910	0123456789
67	16153076	Nguyễn Quốc Tâm	DH16CD						8.5	0012345678910	0123456789
68	17153062	Phan Minh Tâm	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
69	17153064	Kiều Văn Tấn	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
70	16153080	Phạm Đình Thái	DH16CD						8.7	0012345678910	0123456789
71	17153065	Phan Trọng Thái	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
72	16153082	Tô Thanh	DH16CD						8.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01807

Trang 5/6

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Kiến tập cơ sở 2 (207633) - 01

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
73	16153083	Võ Trí Thanh	DH16CD						8.7	0012345678910	0123456789
74	17153066	Đào Minh Thành	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
75	16153085	Huỳnh Công Thành	DH16CD						8.7	0012345678910	0123456789
76	16153081	Lê Văn Thắng	DH16CD						8.7	0012345678910	0123456789
77	17153067	Trương Đức Thịnh	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
78	17153068	Phan Anh Thơ	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
79	16153091	Phạm Thị Cát Tiên	DH16CD						8.7	0012345678910	0123456789
80	17153070	Nguyễn Trọng Tiến	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
81	17153071	Trần Đức Tín	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
82	16153093	Nguyễn Lê Tinh	DH16CD						8.7	0012345678910	0123456789
83	17153073	Nguyễn Minh Toàn	DH17CD						8.5	0012345678910	0123456789
84	17153074	Phan Nguyễn Trung Toàn	DH17CD						8.5	0012345678910	0123456789
85	17153072	Nguyễn Hoàng Toán	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
86	17153075	Lê Quốc Trạng	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
87	17153076	Phạm Ngọc Triệu	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
88	16153096	Huỳnh Văn Trọng	DH16CD						8.7	0012345678910	0123456789
89	17153077	Phan Bảo Trọng	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
90	16153100	Lê Anh Tuấn	DH16CD						8.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01807



Trang 6/6

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Kiến tập cơ sở 2 (207633) - 01

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
91	17153078	Lê Văn Tuấn	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
92	16153102	Nguyễn Minh Tuấn	DH16CD						8.7	0012345678910	0123456789
93	16153104	Trần Xuân Viễn	DH16CD						8.7	0012345678910	0123456789
94	17153079	Võ Quốc Việt	DH17CD						8.7	0012345678910	0123456789
95	16153107	Lâm Văn Vinh	DH16CD						8.7	0012345678910	0123456789
96	16153108	Huỳnh Tấn Vũ	DH16CD						8.7	0012345678910	0123456789
97	16153109	Lê Văn Vũ	DH16CD						8.7	0012345678910	0123456789
98	16153110	Nguyễn Đình Tuấn	DH16CD						8.7	0012345678910	0123456789
99	17153080	Hoàng Thanh Vương	DH17CD						8.5	0012345678910	0123456789
100	17153081	Dương Bảo Ý	DH17CD						8.5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Đăng Khoa

Trương Công Tiến

Nguyễn Đăng Khoa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207729) - 01

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	15154001	Phạm Trọng Ân	DH15OT						9.4	○○○12345678●10	○123●56789
2	15154005	Phạm Quốc Bảo	DH15OT						8.7	○○○1234567●910	○123456●89
3	15154008	Nguyễn Hữu Chung	DH15OT						8.2	○○○1234567●910	○1●3456789
4	15154009	Đoàn Văn Cường	DH15OT						8.2	○○○1234567●910	○1●3456789
5	15154073	Dương Võ Duy	DH15OT						7.9	○○○123456●8910	○12345678●
6	15154016	Huỳnh Quang Đường	DH15OT						8.6	○○○1234567●910	○12345●789
7	15154020	Phạm Tấn Hải	DH15OT						9.3	○○○12345678●10	○12●456789
8	17454001	Đặng Văn Huy	LT17OT						7.4	○○○123456●8910	○123●56789
9	15154025	Nguyễn Minh Khánh	DH15OT						8.6	○○○1234567●910	○12345●789
10	15154026	Thái Văn Khánh	DH15OT						7.9	○○○123456●8910	○12345678●
11	15154027	Lê Trịnh Bình Khiêm	DH15OT						8.5	○○○1234567●910	○1234●6789
12	15154032	Nguyễn Hữu Lộc	DH15OT						9.3	○○○12345678●10	○12●456789
13	17454002	Lê Quý Mến	LT17OT						8.4	○○○1234567●910	○123●56789
14	17454003	Trần Hữu Nghĩa	LT17OT						7.4	○○○123456●8910	○123●56789
15	15154035	Vương Quốc Nghĩa	DH15OT						8.5	○○○1234567●910	○1234●6789
16	15154036	Võ Khắc Hoàn Nhân	DH15OT						7.8	○○○123456●8910	○1234567●9
17	15154037	Huỳnh Trọng Nhiên	DH15OT						7.9	○○○123456●8910	○12345678●
18	15154039	Nguyễn Thanh Phong	DH15OT						7.8	○○○123456●8910	○1234567●9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207729) - 01

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
19	17454005	Hồ Vũ Quát	LT17OT						7.4	○○○123456●8910	○○123●56789
20	17454006	Huỳnh Lê Sang	LT17OT						7.8	○○○123456●8910	○○1234567●9
21	15154042	Nguyễn Thanh Sang	DH15OT						8.5	○○○1234567●8910	○○1234●56789
22	15154045	Trần Suker	DH15OT						9.4	○○○12345678●10	○○123●56789
23	15154046	Đào Tuấn Tài	DH15OT						8.5	○○○1234567●8910	○○1234●6789
24	15154048	Nguyễn Phúc Tâm	DH15OT						7.7	○○○123456●8910	○○123456●89
25	15154051	Nguyễn Duy Thái	DH15OT						8.5	○○○1234567●8910	○○1234●6789
26	15154055	Lưu Thanh Thiên	DH15OT						9.3	○○○12345678●10	○○12●456789
27	15154057	Lê Minh Thiện	DH15OT						7.8	○○○123456●8910	○○1234567●9
28	17454007	Trần Huỳnh Tiến	LT17OT						7.9	○○○123456●8910	○○12345678●
29	15154060	Nguyễn Công Tình	DH15OT						8.5	○○○1234567●8910	○○1234●6789
30	17454008	Đặng Quốc Trí	LT17OT						7.7	○○○123456●8910	○○123456●89
31	17454009	Trần Quý Trọng	LT17OT						7.8	○○○123456●8910	○○1234567●9
32	15154071	Huỳnh Tấn Vũ	DH15OT						9.3	○○○12345678●10	○○123456789
33	17454010	Đặng Đình Vy	LT17OT						8.2	○○○1234567●8910	○○1●3456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 26/04/2019 08:38

Nguyễn Văn Ngọc

Lê Thanh Tuấn

Lê Văn Hiến



Mã nhận dạng 02141

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Hệ thống điện động cơ(207732)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH16OT_01**

Tổ Thi **001_DH16OT_01**

Tên CBGD **Nguyễn Trịnh Nguyên**

Ngày Thi **13/06/2019**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **CT202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16154002	Lê Thành An	DH16OT				4.4	6.6	7.7	0012345678910	0123456789
2	16154004	Trần Quốc An	DH16OT				4.7	8.2	8.8	0012345678910	0123456789
3	16154007	Nguyễn Tuấn Anh	DH16OT				4.4	4.4	6.6	0012345678910	0123456789
4	16154009	Trương Lê Hoàng Bảo	DH16OT				4.4	6	7.4	0012345678910	0123456789
5	16154011	Huỳnh Hữu Cường	DH16OT				4.4	7	7.9	0012345678910	0123456789
6	16154023	Lê Đại Dương	DH16OT				4.4	5	6.9	0012345678910	0123456789
7	16154017	Trần Quang Đạt	DH16OT				4.7	5.6	7.5	0012345678910	0123456789
8	15154013	Nguyễn Bình Đông	DH15OT				4.4	6	7.4	0012345678910	0123456789
9	16154019	Cao Văn Đồng	DH16OT				4.1	3.4	5.8	0012345678910	0123456789
10	16154021	Phạm Hồng Đức	DH16OT				3.7	3.6	5.5	0012345678910	0123456789
11	16154025	Trương Hoàng Giang	DH16OT				4.3	6.4	7.5	0012345678910	0123456789
12	15154019	Võ Duy Hà	DH15OT				4.4	5.2	7	0012345678910	0123456789
13	13154015	Nguyễn Tấn Hải	DH13OT				3.5	5	6	0012345678910	0123456789
14	16154027	Ngô Trần Nhựt Hào	DH16OT							0012345678910	0123456789
15	16154028	Trần Nhựt Hào	DH16OT				4.4	4.2	6.5	0012345678910	0123456789
16	16154026	Nguyễn Thế Hân	DH16OT				4.1	4.2	6.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02141

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Hệ thống điện động cơ(207732)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH16OT_01

Tổ Thi

001_DH16OT_01

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 13/06/2019

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

CT202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16154037	Trương Đức	Hiệu	DH16OT			4	4	6	0012345678910	0123456789
18	16154040	Nguyễn Kim	Hoàng	DH16OT			3.7	4.6	6	0012345678910	0123456789
19	16154044	Chu Phúc	Huy	DH16OT			3.3	3.4	5	0012345678910	0123456789
20	16154046	Huỳnh Nhật	Huy	DH16OT			4.1	6	7.1	0012345678910	0123456789
21	16154048	Nguyễn Phú	Huy	DH16OT			4.4	5.4	7.1	0012345678910	0123456789
22	16154049	Nông Đình	Huy	DH16OT			4	6.4	7.2	0012345678910	0123456789
23	16154050	Trần Quang	Huy	DH16OT			3.6	4.2	5.7	0012345678910	0123456789
24	16154051	Vũ Văn	Huy	DH16OT			4.4	6.2	7.5	0012345678910	0123456789
25	16154043	Trần Tấn	Hưng	DH16OT			4.4	4.6	6.7	0012345678910	0123456789
26	16154054	Nguyễn Trung	Kiên	DH16OT			4	4.2	6.1	0012345678910	0123456789
27	16154055	Y-Ng	Knul	DH16OT			4.1	4.4	6.3	0012345678910	0123456789
28	16154068	Phan Chí	Nguyên	DH16OT			4.4	5	6.9	0012345678910	0123456789
29	16154069	Nguyễn Ngọc	Nhã	DH16OT			3.7	4.6	6	0012345678910	0123456789
30	16154073	Bùi Duy	Phuong	DH16OT			4.7	4.6	7	0012345678910	0123456789
31	16154077	Trần Ngọc	Quốc	DH16OT			4.4	6.2	7.5	0012345678910	0123456789
32	16154083	Nguyễn Xuân	Sinh	DH16OT			4	4.8	6.4	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02141

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Hệ thống điện động cơ(207732)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH16OT_01

Tổ Thi 001_DH16OT_01

Tên CBGD Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 13/06/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT202

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16154084	Trần Khắc	Sinh	Sinh			4.7	3	6.2	0012345678910	0123456789
34	15154043	Đặng Hoàng	Son	Son			4.4	5.2	7	0012345678910	0123456789
35	16154089	Hồ Lê Quốc	Thanh	Thanh			4.4	4.8	6.8	0012345678910	0123456789
36	15154054	Nguyễn Văn	Thảo	Thảo			4.4	5	6.9	0012345678910	0123456789
37	16154086	Bùi Xuân	Thắng	Thắng						0012345678910	0123456789
38	16154094	Nguyễn Chí	Thiện	Thiện						0012345678910	0123456789
39	16154095	Văn Công	Thiện	Thiện						0012345678910	0123456789
40	15154067	Nguyễn Văn	Tuấn	Tuấn			4.7	4.4	6.9	0012345678910	0123456789
41	16154107	Trần Quang	Tuấn	Tuấn			4	4.4	6.2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 37 Số sinh viên vắng 04

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Trịnh Nguyên
Ngày in : 13/06/2019

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Nguyễn Trịnh Nguyên

Nguyễn Trịnh Nguyên



Mã nhận dạng 02144

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Hệ thống điện thân xe(207734)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH16OT_01

Tổ Thi

001_DH16OT_01

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 17/06/2019

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16154002	Lê Thành An	DH16OT				4.7	8.5	8.95	0012345678910	0123456789
2	16154004	Trần Quốc An	DH16OT				4.7	8.75	9.1	0012345678910	0123456789
3	16154007	Nguyễn Tuấn Anh	DH16OT				4.1	6.75	7.5	0012345678910	0123456789
4	16154009	Trương Lê Hoàng Bảo	DH16OT				4.4	7	7.9	0012345678910	0123456789
5	16154011	Huỳnh Hữu Cường	DH16OT				4.7	9.5	9.5	0012345678910	0123456789
6	16154023	Lê Đại Dương	DH16OT				4.1	3.25	5.7	0012345678910	0123456789
7	16154017	Trần Quang Đạt	DH16OT				4.7	9.5	9.5	0012345678910	0123456789
8	15154013	Nguyễn Bình Đông	DH15OT				4.4	5	6.9	0012345678910	0123456789
9	16154019	Cao Văn Đồng	DH16OT				4.4	9	8.9	0012345678910	0123456789
10	16154021	Phạm Hồng Đức	DH16OT				4.1	3	5.6	0012345678910	0123456789
11	16154025	Trương Hoàng Giang	DH16OT				4.1	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
12	16154027	Ngô Trần Nhựt Hào	DH16OT							0012345678910	0123456789
13	16154028	Trần Nhựt Hào	DH16OT				4.1	9	8.6	0012345678910	0123456789
14	16154026	Nguyễn Thế Hân	DH16OT				4.1	5.5	6.9	0012345678910	0123456789
15	16154037	Trương Đức Hiệu	DH16OT				4.4	4	6.4	0012345678910	0123456789
16	16154040	Nguyễn Kim Hoàng	DH16OT				4.1	6	7.1	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02144

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Hệ thống điện thân xe(207734)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH16OT_01

Tổ Thi

001_DH16OT_01

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 17/06/2019

Giờ Thi

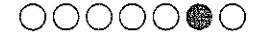
14:45

Phòng Thi

TV301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16154077	Trần Ngọc	Quế	<i>Quế</i>			4.1	6	7.1	0012345678910	0123456789
34	17454006	Huỳnh Lê	Sang	<i>Sang</i>			4.4	3	5.9	0012345678910	0123456789
35	16154083	Nguyễn Xuân	Sinh	<i>Sinh</i>			4.4	9	8.9	0012345678910	0123456789
36	16154084	Trần Khắc	Sinh	<i>Sinh</i>			4.1	4.5	6.4	0012345678910	0123456789
37	15154043	Đặng Hoàng	Son	<i>Son</i>			4.7	4.5	7	0012345678910	0123456789
38	16154089	Hồ Lê Quốc	Thanh	<i>Thanh</i>			4.4	4.5	6.7	0012345678910	0123456789
39	15154054	Nguyễn Văn	Thảo	<i>Thảo</i>			4	5	6.5	0012345678910	0123456789
40	16154086	Bùi Xuân	Thắng							0012345678910	0123456789
41	16154094	Nguyễn Chí	Thiện							0012345678910	0123456789
42	16154095	Văn Công	Thiện							0012345678910	0123456789
43	15154058	Lê Đoàn Trường	Thịnh	<i>Thịnh</i>			2	4.75	4.4	0012345678910	0123456789
44	17454007	Trần Huỳnh	Tiến	<i>Trần</i>			4.4	7	7.9	0012345678910	0123456789
45	17454008	Đặng Quốc	Trí	<i>Trí</i>			4.4	7.5	8.2	0012345678910	0123456789
46	17454009	Trần Quý	Trọng	<i>Trọng</i>			4.4	5	6.9	0012345678910	0123456789
47	15154067	Nguyễn Văn	Tuấn	<i>Tuấn</i>			4.4	5	6.9	0012345678910	0123456789
48	16154107	Trần Quang	Tuấn	<i>Trần</i>			4.7	5	7.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02144

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Hệ thống điện thân xe(207734)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH16OT_01

Tổ Thi

001_DH16OT_01

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 17/06/2019

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16154044	Chu Phúc	Huy	Huy			4.1	2	5.1	0012345678910	023456789
18	17454001	Đặng Văn	Huy	Huy			4.4	5	6.9	0012345678910	0123456789
19	16154046	Huỳnh Nhật	Huy	Huy			4.1	7	7.6	0012345678910	0123456789
20	16154048	Nguyễn Phú	Huy	Huy			4.4	9.5	9.2	0012345678910	013456789
21	16154049	Nông Đình	Huy	Huy			4.1	7.5	7.9	0012345678910	0123456789
22	16154050	Trần Quang	Huy	Huy			4.1	5	6.6	0012345678910	0123456789
23	16154051	Vũ Văn	Huy	Huy			4.1	7	7.6	0012345678910	0123456789
24	16154043	Trần Tấn	Hưng	Hưng			4.1	5.5	6.9	0012345678910	0123456789
25	16154054	Nguyễn Trung	Kiên	Kiên			4.1	4.5	6.4	0012345678910	012356789
26	16154055	Y-Ngưng	Knul	Knul			4.4	2.5	5.7	0012345678910	0123456789
27	17454002	Lê Quý	Mến	Mến			4.4	7	7.9	0012345678910	0123456789
28	17454003	Trần Hữu	Nghĩa	Nghĩa			4.4	3.5	6.2	0012345678910	013456789
29	16154068	Phan Chí	Nguyên	Nguyên			4.1	8	8.1	0012345678910	023456789
30	16154069	Nguyễn Ngọc	Nhã	Nhã			4.1	6	7.1	0012345678910	023456789
31	16154073	Bùi Duy	Phương	Phương			4.4	9.5	9.2	0012345678910	013456789
32	17454005	Hồ Vũ	Quát	Quát			4.4	6	7.4	0012345678910	012356789



Mã nhận dạng 02144

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Hệ thống điện thân xe(207734)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH16OT_01

Tổ Thi

001_DH16OT_01

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 17/06/2019

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	13154066	Nguyễn Tùng	DH13OT				2	2	3	0012345678910	0123456789
50	17454010	Đặng Đình Vy	LT17OT				4.7	8.25	8.8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 40 Số sinh viên vắng 4

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

CBGD: Khoa Phụ Trách Khoa Ck (T274)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	15154003	Nguyễn Đình Tuấn Anh	DH15OT						7	0012345678910	0123456789
2	15154006	K"	DH15OT						7,7	0012345678910	0123456789
3	15154007	Nguyễn Xuân	DH15OT						9	0012345678910	0123456789
4	15154010	Lê Minh	DH15OT						8,7	0012345678910	0123456789
5	15154013	Nguyễn Bình	DH15OT						7	0012345678910	0123456789
6	15154014	Nguyễn Văn Giang	DH15OT						7	0012345678910	0123456789
7	15154017	Huỳnh Thanh	DH15OT						8,5	0012345678910	0123456789
8	15154018	Lê Trường	DH15OT						7	0012345678910	0123456789
9	15154021	Nguyễn Trung	DH15OT						0	0012345678910	0123456789
10	15154022	Phan Phước	DH15OT						7,3	0012345678910	0123456789
11	14154019	Lê Minh	DH14OT						8	0012345678910	0123456789
12	15154024	Hồ Ngọc	DH15OT						9	0012345678910	0123456789
13	14154104	Huỳnh Văn	DH14OT						8,2	0012345678910	0123456789
14	13154127	Võ Quốc	DH13OT						8,2	0012345678910	0123456789
15	15154030	Nguyễn Duy	DH15OT						8,5	0012345678910	0123456789
16	15154031	Nguyễn Hữu	DH15OT						7	0012345678910	0123456789
17	15154038	Đặng Thanh	DH15OT						9	0012345678910	0123456789
18	15154041	Nguyễn Minh Nhật	DH15OT						6	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207735) - 01

CBGD: Khoa Phụ Trách Khoa Ck (T274)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
19	15154043	Đặng Hoàng Sơn	DH15OT						8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
20	15154054	Nguyễn Văn Thảo	DH15OT						8,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	15154053	Son Ngọc Thắng	DH15OT						7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	15154061	Lê Minh Trí	DH15OT						8,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
23	15154063	Hồ Nhật Trường	DH15OT						7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
24	15154064	Mai Hoàng Tuấn	DH15OT						8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	15154065	Nguyễn Anh Tuấn	DH15OT						7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
26	15154066	Nguyễn Thanh Tuấn	DH15OT						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
27	15154069	Nguyễn Ngọc Văn	DH15OT						8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
28	15154072	Trần Quốc Vy	DH15OT						7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vãng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trưởng ban
Nguyễn Văn Nguyễn Lê Văn Hiến